

|                                 |                                         |
|---------------------------------|-----------------------------------------|
| <b>BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG</b> | <b>ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM</b>           |
| <b>Số 01-KH/BCĐTW</b>           | <b>Hà Nội, ngày 02 tháng 6 năm 2025</b> |

## KẾ HOẠCH

**HÀNH ĐỘNG CHIẾN LƯỢC TRIỂN KHAI NGHỊ QUYẾT SỐ 57-NQ/TW, NGÀY 22/12/2024 CỦA BỘ CHÍNH TRỊ VỀ ĐỘT PHÁ PHÁT TRIỂN KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ, ĐỔI MỚI SÁNG TẠO VÀ CHUYỂN ĐỔI SỐ QUỐC GIA**

### PLAN

**STRATEGIC ACTIONS FOR THE IMPLEMENTATION OF POLITICAL BUREAU RESOLUTION NO. 57-NQ/TW, DATED DECEMBER 22, 2024, ON BREAKTHROUGHS IN THE DEVELOPMENT OF SCIENCE, TECHNOLOGY, INNOVATION, AND NATIONAL DIGITAL TRANSFORMATION**

- Căn cứ Nghị quyết số 57-NQ/TW, ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;
- Căn cứ Quyết định số 229-QĐ/TW, ngày 10/01/2025 của Bộ Chính trị về việc thành lập Ban Chỉ đạo Trung ương về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số;
- Căn cứ Quy định số 230-QĐ/TW, ngày 10/01/2025 của Bộ Chính trị về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Ban Chỉ đạo Trung ương về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số;
- Căn cứ Quy chế làm việc số 01-QC/BCĐTW, ngày 28/02/2025 của Ban Chỉ đạo Trung ương về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số;
- Căn cứ Quyết định số 259-QĐ/TW, ngày 24/01/2025 của Bộ Chính trị về chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy của Văn phòng Trung ương Đảng,

Ban Chỉ đạo Trung ương về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số (sau đây gọi tắt là Ban Chỉ đạo Trung ương) ban hành Kế hoạch hành động chiến lược triển khai Nghị quyết số 57-NQ/TW như sau:

*- Pursuant to Political Bureau Resolution No. 57-NQ/TW, dated December 22, 2024, on breakthroughs in the development of science, technology, innovation, and national digital transformation;*

- Pursuant to Political Bureau Decision No. 229-QĐ/TW, dated January 10, 2025, on the establishment of the Central Steering Committee for the development of science, technology, innovation, and digital transformation;
- Pursuant to Political Bureau Regulation No. 230-QĐ/TW, dated January 10, 2025, on the functions, tasks, and powers of the Central Steering Committee for the development of science, technology, innovation, and digital transformation;
- Pursuant to Working Regulations No. 01-QC/BCĐTW, dated February 28, 2025, of the Central Steering Committee for the development of science, technology, innovation, and digital transformation;
- Pursuant to Political Bureau Decision No. 259-QĐ/TW, dated January 24, 2025, on the functions, tasks, and organizational structure of the Central Office of the Communist Party of Viet Nam,

*The Central Steering Committee for the development of science, technology, innovation, and digital transformation (hereinafter referred to as the Central Steering Committee) hereby promulgates the Strategic Action Plan for the implementation of Resolution No. 57-NQ/TW as follows:*

## **I. MỤC TIÊU (OBJECTIVES)**

### **1. Mục tiêu tổng quát (General Objective)**

Quán triệt và cụ thể hoá nội dung của Nghị quyết số 57-NQ/TW, ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia, hướng dẫn phối hợp triển khai, tạo sức mạnh tổng hợp, bảo đảm hành động quyết liệt, hiệu quả; xác định rõ các mũi nhọn chiến lược, phân công rõ trách nhiệm, vai trò của từng cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan và có chỉ tiêu đo lường được với cơ chế điều chỉnh linh hoạt phù hợp với thực tiễn.

*To thoroughly grasp and concretize the contents of Political Bureau Resolution No. 57-NQ/TW, dated December 22, 2024, on breakthroughs in the development of science, technology, innovation, and national digital transformation; to provide guidance for coordinated implementation, create synergistic strength, and ensure decisive and effective action; to clearly identify strategic spearheads, clearly assign responsibilities and roles to each relevant agency, organization, and individual; and to establish measurable targets with flexible adjustment mechanisms suited to practical conditions.*

### **2. Mục tiêu cụ thể đến năm 2030 (Specific Objectives by 2030)**

**a) Nâng tầm năng lực khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo (*Elevating science, technology, and innovation capacity*)**

- Tiềm lực, trình độ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo đạt mức tiên tiến ở nhiều lĩnh vực quan trọng, thuộc nhóm dẫn đầu trong các nước có thu nhập trung bình cao.
- Tỷ lệ doanh nghiệp có hoạt động đổi mới sáng tạo đạt trên 40% trong tổng số doanh nghiệp. Thu hút thêm ít nhất 3 tổ chức, doanh nghiệp công nghệ hàng đầu thế giới đặt trụ sở, đầu tư nghiên cứu, sản xuất tại Việt Nam.
- Kinh phí chi cho nghiên cứu phát triển (R&D) đạt 2% GDP, trong đó tỷ lệ đóng góp từ khu vực tư nhân ngày càng tăng, đạt mức cao trong khu vực; bố trí ít nhất 3% tổng chi ngân sách hàng năm cho phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia và tăng dần theo yêu cầu phát triển.
- Nhân lực nghiên cứu khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo đạt 12 người trên một vạn dân.
- Có từ 40 - 50 tổ chức khoa học và công nghệ được xếp hạng khu vực và thế giới.
- Số lượng công bố khoa học quốc tế tăng trung bình 10%/năm; số lượng đơn đăng ký sáng chế, văn bằng bảo hộ sáng chế tăng trung bình 16 - 18%/năm, tỷ lệ khai thác thương mại đạt 8 -10%.
- Nằm trong nhóm 20 nước dẫn đầu thế giới về phát triển và triển khai phổ cập các giải pháp AI (theo dõi qua các chỉ số của Tortoise Media, Stanford HAI, OECD...) mang lợi ích cao cho xã hội, người dân và quản trị hiện đại. Đến năm 2030, mỗi cơ quan, tổ chức có sử dụng tối thiểu 1 ứng dụng AI phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành, cải cách hành chính.

*- The potential and level of science, technology, and innovation shall reach advanced standards in many key fields, ranking among the leading group of upper-middle-income countries.*

*- The proportion of enterprises engaged in innovation activities shall exceed 40 percent of the total number of enterprises. At least three additional world-leading technology organizations or enterprises shall be attracted to establish headquarters and invest in research and production in Viet Nam.*

*- Expenditure on research and development (R&D) shall reach 2 percent of GDP, with the contribution from the private sector increasing steadily to a high level within the region; at least 3 percent of total annual state budget expenditure shall be allocated to the development of science, technology, innovation, and national digital transformation, with gradual increases in line with development requirements.*

*- Human resources for scientific research, technology, and innovation shall reach 12 persons per ten thousand population.*

*- Between 40 and 50 science and technology organizations shall be ranked at the regional and global levels.*

*- The number of international scientific publications shall increase by an average of 10 percent per year; the number of patent applications and granted patent titles shall increase by an average of 16–18 percent per year, with a commercialization rate of 8–10 percent.*

*- Viet Nam shall rank among the world's top 20 countries in the development and large-scale deployment of AI solutions (monitored through indices of Tortoise Media, Stanford HAI, OECD,*

*etc.) that deliver high benefits to society, citizens, and modern governance. By 2030, each agency and organization shall use at least one AI application to support leadership, management, and administrative reform.*

**b) Thúc đẩy mạnh mẽ kinh tế số và tăng trưởng *(Strongly promoting the digital economy and economic growth)***

- Quy mô kinh tế số đạt tối thiểu 30% GDP.
- Tỷ trọng xuất khẩu sản phẩm công nghệ cao tối thiểu 50% trên tổng giá trị hàng hóa xuất khẩu.
- Đóng góp của năng suất các nhân tố tổng hợp (TFP) vào tăng trưởng kinh tế ở mức trên 55%.
- Năng lực cạnh tranh số thuộc nhóm 50 nước dẫn đầu thế giới, nhóm 3 nước dẫn đầu Đông Nam Á.

- The scale of the digital economy to reach at least 30% of GDP.*
- The proportion of high-tech product exports accounts for at least 50% of total merchandise export value.*
- The contribution of total factor productivity (TFP) to economic growth exceeds 55%.*
- Digital competitiveness capacity to rank among the top 50 countries globally, and within the top 3 countries in Southeast Asia.*

**c) Xây dựng Chính phủ số và quản trị hiện đại *(Building a digital government and modern governance)***

- Chỉ số phát triển Chính phủ điện tử (EGDI) thuộc nhóm 50 nước dẫn đầu trên thế giới, nhóm 3 nước dẫn đầu Đông Nam Á.
- Tỷ lệ sử dụng dịch vụ công trực tuyến của người dân và doanh nghiệp trên 80%.
- Hoàn thành xây dựng, kết nối, chia sẻ đồng bộ cơ sở dữ liệu quốc gia theo danh mục được cấp có thẩm quyền phê duyệt, cơ sở dữ liệu chuyên ngành có liên quan.
- Khai thác và sử dụng có hiệu quả tài nguyên số, dữ liệu số, hình thành sản giao dịch dữ liệu.
- Quản lý nhà nước từ Trung ương đến địa phương trên môi trường số, kết nối và vận hành thông suốt giữa các cơ quan trong hệ thống chính trị.

- The E-Government Development Index (EGDI) to rank among the top 50 countries worldwide, and within the top 3 countries in Southeast Asia.*
- The rate of online public service utilization by citizens and businesses to exceed 80%.*
- Completion of the establishment, interconnection, and synchronized sharing of national databases in accordance with the list approved by competent authorities, as well as related sectoral databases.*
- Effective exploitation and use of digital resources and digital data, and the establishment of a data exchange platform.*
- State administration from the central to local levels to be conducted in the digital environment, ensuring seamless connectivity and operation among agencies within the political system.*

**d) Phát triển xã hội số và nâng cao chất lượng sống (*Developing a digital society and improving quality of life*)**

- Phát triển xã hội số, công dân số, công nghiệp văn hóa số ở mức cao của thế giới.
- Giao dịch không dùng tiền mặt đạt 80%.
- Chỉ số phát triển con người (HDI) duy trì trên 0,7.
- Phổ cập kỹ năng số cơ bản cho người dân.

*- Developing a digital society, digital citizens, and the digital cultural industry at an advanced level globally.*

*- Cashless transactions to reach 80%.*

*- The Human Development Index (HDI) to be maintained at above 0.7.*

*- Universal provision of basic digital skills for the population.*

**e) Hiện đại hoá hạ tầng và bảo đảm an toàn an ninh thông tin, dữ liệu (*Modernizing infrastructure and ensuring information and data safety and security*)**

- Hạ tầng công nghệ số tiên tiến, hiện đại, dung lượng siêu lớn, băng thông siêu rộng ngang tầm các nước tiên tiến, phủ sóng 5G, 6G toàn quốc.
- Từng bước làm chủ một số công nghệ chiến lược, công nghệ số như: Trí tuệ nhân tạo, Internet vạn vật (IoT), dữ liệu lớn, bán dẫn, công nghệ lượng tử, nano, thông tin di động 5G, 6G...
- Phát động cách mạng dữ liệu: Giải phóng, kết nối và khai thác tiềm năng dữ liệu, hoàn thành một số cơ sở dữ liệu trọng yếu quốc gia.
- Thuộc nhóm các nước dẫn đầu về an toàn, an ninh không gian mạng, an ninh dữ liệu và bảo vệ dữ liệu.

*(Tham chiếu Phụ lục II để xem chi tiết các chỉ tiêu đo lường).*

*- Developing advanced and modern digital technology infrastructure with ultra-large capacity and ultra-wide bandwidth, on par with advanced countries, ensuring nationwide coverage of 5G and 6G networks.*

*- Gradually mastering a number of strategic and digital technologies, including artificial intelligence, the Internet of Things (IoT), big data, semiconductors, quantum technology, nanotechnology, and 5G and 6G mobile communications, among others.*

*- Launching a data revolution: unlocking, connecting, and exploiting data potential, and completing a number of key national databases.*

*- Ranking among the leading countries in cybersecurity, cyberspace security, data security, and data protection.*

*(See Annex II for details of the measurement indicators.)*

**3. Mục tiêu cụ thể đến năm 2045 (*Specific objectives by 2045*)**

Xây dựng thành công nền khoa học, công nghệ tiên tiến, văn hóa đổi mới sáng tạo, khai thác cơ hội chuyển đổi số quốc gia góp phần đưa Việt Nam:

- Thuộc nhóm các quốc gia phát triển, có thu nhập cao với khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số phát triển vững chắc.
- Quy mô kinh tế số đạt tối thiểu 50% GDP.
- Là một trong các trung tâm công nghiệp công nghệ số của khu vực và thế giới; thuộc nhóm 30 nước dẫn đầu thế giới về đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số.
- Tỷ lệ doanh nghiệp công nghệ số tương đương các nước phát triển; tối thiểu có 10 doanh nghiệp công nghệ số ngang tầm các nước tiên tiến.
- Thu hút thêm ít nhất 5 tổ chức, doanh nghiệp công nghệ hàng đầu thế giới đặt trụ sở, đầu tư nghiên cứu, sản xuất tại Việt Nam.
- Người dân Việt Nam được chăm lo về sức khỏe, học vấn, đời sống vật chất và tinh thần, môi trường sống sạch, hiện đại và văn minh.
- Thể chế hoàn thiện, nền quản trị hành chính quốc gia được đổi mới, minh bạch, có hiệu lực, môi trường pháp lý trong sạch, thông thoáng.
- Tiềm lực an ninh quốc phòng mạnh mẽ nhờ công nghệ hiện đại, xã hội ổn định.
- Phát triển hạ tầng viễn thông, Internet đáp ứng yêu cầu dự phòng, kết nối, an toàn, bền vững, hệ thống truyền dẫn dữ liệu qua vệ tinh, mạng cáp quang băng thông rộng tốc độ cao phủ sóng toàn quốc sử dụng công nghệ mới nhất.
- Hoàn thành cách mạng dữ liệu, đưa Việt Nam thành quốc gia giàu mạnh về dữ liệu và ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) thuộc nhóm 10 nước dẫn đầu thế giới về phát triển và triển khai các giải pháp AI mang lợi ích cao cho xã hội, người dân và quản trị hiện đại.

- *A member of the group of developed, high-income countries, with science, technology, innovation, and digital transformation developed on a solid and sustainable basis.*
- *Having the scale of the digital economy reach at least 50% of GDP.*
- *One of the digital technology industry hubs of the region and the world; ranking among the top 30 countries globally in innovation and digital transformation.*
- *Having a proportion of digital technology enterprises comparable to that of developed countries; with at least 10 digital technology enterprises on par with advanced countries.*
- *Attracting at least five additional leading global technology organizations and enterprises to establish headquarters and invest in research and development and production in Viet Nam.*
- *Ensuring that the Vietnamese people are well cared for in terms of health, education, material and spiritual life, and enjoy a clean, modern, and civilized living environment.*
- *A complete institutional framework, with national administrative governance reformed, transparent, effective, and efficient, and a clean and enabling legal environment.*
- *Strong national defense and security capacity underpinned by modern technologies, ensuring a stable society.*

- *Developing telecommunications and Internet infrastructure that meets requirements for redundancy, connectivity, safety, and sustainability, with satellite data transmission systems and high-speed broadband fiber-optic networks nationwide using the latest technologies.*
- *Completing the data revolution, making Viet Nam a data-rich and data-strong nation, and positioning it among the top 10 countries worldwide in the development and deployment of artificial intelligence (AI) solutions that deliver high benefits for society, citizens, and modern governance.*

## **II. NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM (KEY TASKS)**

Nhằm bảo đảm hiệu quả, đúng mục tiêu, tiến độ Nghị quyết số 57-NQ/TW đã đề ra, tránh tình trạng phân tán nguồn lực, thiếu liên kết, trùng lặp gây lãng phí, Kế hoạch hành động chiến lược áp dụng cách tiếp cận mới theo hướng tập trung, có trọng tâm, trọng điểm. Theo đó, các nhiệm vụ được tổ chức thành 6 Hệ thống, gồm: 5 Hệ thống Chiến lược trọng yếu[1] và Hệ thống dự án đặc biệt quan trọng[2], gắn với các Sáng kiến đột phá[3] có tính định hướng, dẫn dắt, bảo đảm đồng bộ, liên kết chặt chẽ và hỗ trợ lẫn nhau. Các Hệ thống này vừa phản ánh đầy đủ các lĩnh vực trọng tâm được xác định tại Nghị quyết số 57-NQ/TW, vừa hướng tới mục tiêu phát triển toàn diện, bền vững, lấy khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số làm nền tảng, bao gồm:

*In order to ensure effectiveness and adherence to the objectives and timeline set out in Resolution No. 57-NQ/TW, and to avoid the dispersion of resources, lack of coordination, and duplication leading to inefficiency and waste, the Strategic Action Plan adopts a new approach that is focused, targeted, and priority-driven. Accordingly, tasks are organized into six Systems, comprising five Key Strategic Systems[1] and a System of Specially Important Projects[2], linked with Breakthrough Initiatives[3] that play a direction-setting and leading role, ensuring coherence, close interlinkages, and mutual support.*

*These Systems both fully reflect the key priority areas identified in Resolution No. 57-NQ/TW and are oriented toward the goal of comprehensive and sustainable development, with science, technology, innovation, and digital transformation serving as the foundation, including:*

### **1. Hệ thống đổi mới thể chế và quản trị quốc gia (Hệ thống 1) (System for institutional innovation and national governance (System 1))**

#### **a) Nội dung chính (Main contents)**

Tập trung hiện đại hoá nền quản trị hành chính quốc gia thông qua việc đẩy mạnh ứng dụng các công nghệ hiện đại, sử dụng hiệu quả, thống nhất dữ liệu quốc gia, kết hợp chặt chẽ với quá trình đổi mới thể chế. Tăng cường hiệu lực, hiệu quả hoạt động của các cơ quan chính quyền nhờ áp dụng công nghệ số và phát huy tư duy đổi mới, sáng tạo. Đồng thời, đẩy mạnh ứng dụng các công nghệ tiên tiến nhằm nâng cao năng lực bảo vệ quốc phòng, an ninh trong bối cảnh mới.

*Focusing on the modernization of national administrative governance through the accelerated application of advanced technologies, the effective and unified use of national data, and close integration with the process of institutional reform. Enhancing the effectiveness and efficiency of government agencies through the adoption of digital technologies and the promotion of innovative and creative thinking. At the same time, accelerating the application of advanced technologies to strengthen national defense and security protection capabilities in the new context.*

**b) Vai trò chiến lược (*Strategic role*)**

Hệ thống chiến lược này tạo lập nền tảng pháp lý, chính sách và cơ chế quản trị quốc gia hiện đại, có hiệu lực, hiệu quả cao, có tính đột phá và độ mở, đồng thời tạo môi trường thuận lợi và tháo gỡ các rào cản thể chế, thúc đẩy sự phát triển mạnh mẽ của tất cả các Hệ thống chiến lược khác. Chính phủ số được xây dựng và vận hành theo hướng ngày càng hiệu quả hơn, dịch vụ công cung cấp tới người dân được nâng cao chất lượng rõ rệt, bảo đảm tính minh bạch, trách nhiệm giải trình của các cơ quan nhà nước, qua đó củng cố vững chắc niềm tin của Nhân dân. An ninh, quốc phòng được tăng cường sức mạnh nhờ ứng dụng các công nghệ tiên tiến với chi phí hợp lý, bảo đảm ổn định xã hội, chủ động ứng phó hiệu quả trước mọi diễn biến, thách thức cả trong nước và quốc tế.

*This strategic system establishes a modern national legal, policy, and governance framework that is effective, highly efficient, breakthrough-oriented, and open, while creating a favorable environment and removing institutional barriers, thereby strongly promoting the development of all other strategic systems. The digital government is built and operated toward ever greater effectiveness; the quality of public services delivered to citizens is markedly improved, ensuring transparency and accountability of state agencies, thereby firmly strengthening public trust. National defense and security are enhanced through the application of advanced technologies at reasonable cost, ensuring social stability and enabling proactive and effective responses to all developments and challenges, both domestic and international.*

**c) Sáng kiến đột phá (*Breakthrough initiatives*)**

- Sáng kiến 1: Đổi mới mạnh mẽ thể chế, tháo gỡ triệt để mọi rào cản về cơ chế, chính sách nhằm mở đường cho phát triển bền vững, nhanh chóng và hiệu quả.
- Sáng kiến 2: Xây dựng mô hình quản trị quốc gia dựa trên nền tảng dữ liệu thống nhất, các dịch vụ số và trí tuệ nhân tạo nhằm cắt giảm tối đa chi phí hành chính, cải thiện môi trường kinh doanh và nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia.
- Sáng kiến 3: Đẩy mạnh nghiên cứu, phát triển, ứng dụng công nghệ an ninh, quốc phòng dựa trên các nền tảng trí tuệ nhân tạo và người máy (robot), công nghệ tích hợp giám sát hiện trường thời gian thực nhằm chủ động bảo đảm an toàn, an ninh quốc gia trong tình hình mới.

- *Initiative 1: Undertake strong institutional reform, thoroughly removing all institutional, regulatory, and policy barriers to pave the way for sustainable, rapid, and effective development.*
- *Initiative 2: Build a national governance model based on a unified data platform, digital services, and artificial intelligence, with the aim of maximizing reductions in administrative costs, improving the business environment, and enhancing national competitiveness.*
- *Initiative 3: Intensify the research, development, and application of security and defense technologies based on artificial intelligence and robotics, and integrated real-time field surveillance technologies, to proactively ensure national safety and security in the new context.*

## **2. Hệ thống phát triển công nghiệp, tự chủ về công nghệ (Hệ thống 2) *(System for industrial development and technological self-reliance (System 2))***

### **a) Nội dung chính *(Main contents)***

Tập trung thúc đẩy các hoạt động nghiên cứu, phát triển (R&D) và chuyển giao tri thức, đổi mới sáng tạo, triển khai Chương trình phát triển công nghệ và công nghiệp chiến lược; Quỹ đầu tư phát triển công nghiệp chiến lược, tận dụng hiệu quả các cơ hội công nghệ mới trên thế giới như: Bán dẫn, vật liệu tiên tiến, trí tuệ nhân tạo, công nghệ gen, năng lượng sạch, thiết bị thông minh. Đẩy mạnh việc ứng dụng các công nghệ mới kết hợp với các công cụ chuyển đổi số vào mọi loại hình doanh nghiệp, đặc biệt là doanh nghiệp nhỏ và vừa, nhằm xây dựng và phát triển một nền công nghiệp nội sinh, có khả năng tự chủ về công nghệ, tạo ra giá trị gia tăng cao và nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia.

*Focusing on promoting research and development (R&D) activities, knowledge transfer, and innovation, and on implementing the Program for the Development of Strategic Technologies and Industries and the Strategic Industry Development Investment Fund, while effectively leveraging emerging global technological opportunities such as semiconductors, advanced materials, artificial intelligence, genetic technologies, clean energy, and smart devices.*

*Accelerating the application of new technologies in combination with digital transformation tools across all types of enterprises, particularly small and medium-sized enterprises, in order to build and develop an endogenous industrial base with technological self-reliance, capable of generating high value added and enhancing national competitiveness.*

### **b) Vai trò chiến lược *(Strategic role)***

Hệ thống chiến lược này nhằm hình thành và phát triển phương thức sản xuất mới dựa trên khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số. Thông qua việc phát triển công nghệ lõi, làm chủ tri thức và xây dựng hệ sinh thái công nghiệp công nghệ cao, hệ thống này tạo nền tảng vững chắc giúp Việt Nam chủ động tham gia, thích ứng linh hoạt và ứng phó hiệu quả với các bất ổn, cạnh tranh gay gắt trong môi trường kinh tế - thương mại toàn cầu.

*This strategic system aims to form and develop new modes of production based on science, technology, innovation, and digital transformation. Through the development of core*

*technologies, mastery of knowledge, and the building of a high-tech industrial ecosystem, this system establishes a solid foundation enabling Viet Nam to proactively participate, adapt flexibly, and respond effectively to instability and intense competition in the global economic and trade environment.*

**c) Sáng kiến đột phá (*Breakthrough initiatives*)**

- Sáng kiến 4: Bán dẫn và vật liệu tiên tiến - Tập trung nghiên cứu thiết kế vi mạch chuyên dụng, đóng gói tiên tiến và kiểm thử trên nền tảng trí tuệ nhân tạo, kết hợp nghiên cứu phát triển vật liệu mới có tính năng vượt trội.
- Sáng kiến 5: Chương trình năng lượng quốc gia - Phát triển công nghệ lưu trữ năng lượng, tiết kiệm năng lượng, đa dạng hoá các nguồn cung năng lượng, ưu tiên các nguồn năng lượng hạt nhân, tái tạo, xây dựng các mạng lưới điện thông minh, hệ thống bảo đảm an toàn, an ninh mạng cho hệ thống năng lượng quốc gia, giảm phát thải carbon, bảo đảm an ninh năng lượng phục vụ phát triển công nghiệp.
- Sáng kiến 6: Nền tảng chia sẻ dữ liệu và trí tuệ nhân tạo quốc gia - Phát triển kiến trúc tích hợp dữ liệu tiết kiệm chi phí, xây dựng nền tảng chia sẻ dữ liệu và phát triển các mô hình trí tuệ nhân tạo hỗ trợ tiếng Việt.
- Sáng kiến 7: Hệ sinh thái sở hữu trí tuệ và chuyển giao tri thức và công nghệ - Tạo lập môi trường thuận lợi và cơ chế hiệu quả cho việc bảo hộ, khai thác, thương mại hoá tài sản trí tuệ và thúc đẩy mạnh mẽ hoạt động chuyển giao công nghệ giữa các viện nghiên cứu, trường và doanh nghiệp.
- Sáng kiến 8: Ứng dụng công nghệ số, trí tuệ nhân tạo và áp dụng mô hình sản xuất thông minh trong doanh nghiệp - Thúc đẩy các doanh nghiệp ứng dụng công nghệ mới để nâng cao năng suất, hiệu quả quản trị và khả năng cạnh tranh, phát triển thị trường nội địa cho sản phẩm công nghệ "Made in Vietnam".
- Sáng kiến 9: Chương trình công nghiệp quốc phòng và an ninh tự chủ, lưỡng dụng và hiện đại: Tập trung phát triển UAV, robot thông minh, vệ tinh cỡ nhỏ lưỡng dụng, chú trọng các công nghệ không gian, tiếp cận công nghệ thông tin lượng tử và cảm biến lượng tử ứng dụng trong truyền tin và thu thập dữ liệu có mức độ an toàn cao. Phát triển các sản phẩm lưỡng dụng, có khả năng chuyển giao cho dân dụng sau 5-10 năm, coi giá trị chuyển giao là tiêu chí đánh giá hiệu quả dự án.

*- Initiative 4: Semiconductors and advanced materials – Focusing on research into specialized integrated circuit (IC) design, advanced packaging and testing based on artificial intelligence platforms, in parallel with research and development of new materials with superior performance characteristics.*

*- Initiative 5: National Energy Program – Developing energy storage technologies, energy efficiency and conservation technologies, and diversifying energy supply sources; prioritizing nuclear energy and renewable energy; building smart power grids; establishing systems to*

*ensure safety and cybersecurity for the national energy system; reducing carbon emissions; and ensuring energy security in support of industrial development.*

*- Initiative 6: National data-sharing and artificial intelligence platform – Developing cost-efficient integrated data architectures, establishing a data-sharing platform, and developing artificial intelligence models supporting the Vietnamese language.*

*- Initiative 7: Intellectual property ecosystem and knowledge and technology transfer – Creating a favorable environment and effective mechanisms for the protection, exploitation, and commercialization of intellectual property assets, and strongly promoting technology transfer activities among research institutes, universities, and enterprises.*

*- Initiative 8: Application of digital technologies and artificial intelligence and adoption of smart manufacturing models in enterprises – Promoting enterprises' adoption of new technologies to enhance productivity, governance efficiency, and competitiveness, and to develop the domestic market for “Make in Viet Nam” technology products.*

*- Initiative 9: Program for an autonomous, dual-use, and modern defense and security industry – Focusing on the development of unmanned aerial vehicles (UAVs), intelligent robots, and dual-use small satellites, with emphasis on space technologies, access to quantum information technologies and quantum sensors applied in high-security communications and data collection. Developing dual-use products with the potential for transfer to civilian applications after 5–10 years, and considering the value of technology transfer as a criterion for evaluating project effectiveness.*

### **3. Hệ thống an sinh và phúc lợi (Hệ thống 3) *(System for social security and welfare (System 3))***

#### **a) Nội dung chính *(Main contents)***

Tập trung xây dựng hệ thống an sinh và phúc lợi xã hội hiện đại, hướng tới mục tiêu xây dựng xã hội văn minh, nâng cao chất lượng sống, bảo đảm người dân hạnh phúc, môi trường sống xanh, sạch, đẹp và an toàn. Hệ thống này bao gồm các ứng dụng công nghệ số, đặc biệt là trí tuệ nhân tạo trong các lĩnh vực then chốt như y tế, giáo dục, văn hóa, thể thao, bảo hiểm, lao động - việc làm, nhà ở, môi trường, nông nghiệp... nhằm từng bước hình thành hệ sinh thái an sinh xã hội toàn diện, chất lượng cao, tiếp cận dễ dàng, phục vụ tốt nhất cho mọi người dân.

*Focusing on building a modern social security and welfare system aimed at creating a civilized society, improving quality of life, ensuring people's well-being and happiness, and promoting a green, clean, beautiful, and safe living environment. This system incorporates the application of digital technologies, particularly artificial intelligence, across key sectors such as healthcare, education, culture, sports, insurance, labor and employment, housing, the environment, and agriculture, among others, with the objective of gradually forming a comprehensive, high-quality social security ecosystem that is easily accessible and best serves all citizens.*

#### **b) Vai trò chiến lược *(Strategic role)***

Hệ thống chiến lược này bảo đảm an sinh xã hội, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho người dân, tạo nền tảng quan trọng để phát triển xã hội văn minh, bền vững. Nhờ ứng dụng mạnh mẽ khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, mọi người dân đều có cơ hội được tiếp cận, thụ hưởng các dịch vụ y tế, giáo dục, phúc lợi xã hội hiện đại với chất lượng ngày càng cao, có việc làm phù hợp, được chăm lo toàn diện, đặt nền móng cho một xã hội ổn định, nhân văn và phát triển lâu dài.

*This strategic system ensures social security, enhances the material and spiritual well-being of the people, and creates an important foundation for the development of a civilized and sustainable society. Through the strong application of science, technology, innovation, and digital transformation, all citizens are provided with opportunities to access and benefit from modern healthcare, education, and social welfare services of increasingly high quality, to obtain suitable employment, and to receive comprehensive care, thereby laying the groundwork for a stable, humane, and long-term developing society.*

### **c) Sáng kiến đột phá (*Breakthrough initiatives*)**

- Sáng kiến 10: Y tế thông minh - Phát triển hệ thống y tế thông minh, toàn diện, bảo đảm mọi người dân đều được chăm sóc sức khỏe hiệu quả, kịp thời thông qua ứng dụng các công nghệ số, trí tuệ nhân tạo và dữ liệu lớn.
- Sáng kiến 11: Giáo dục thông minh - Xây dựng kho học liệu mở, đa phương tiện, phát triển hệ thống học tập mọi lúc, mọi nơi, hỗ trợ cá nhân hóa việc học dựa trên công nghệ trí tuệ nhân tạo.
- Sáng kiến 12: Nông nghiệp bền vững và thông minh - Phát triển mô hình nông nghiệp hiện đại, ứng dụng công nghệ số và trí tuệ nhân tạo ứng phó hiệu quả với biến đổi khí hậu, bảo đảm an ninh lương thực và thu nhập bền vững cho nông dân.
- Sáng kiến 13: Môi trường xanh và đô thị thông minh - Xây dựng mô hình đô thị xanh, thân thiện môi trường, phát triển hệ thống giám sát, quản lý môi trường thông minh, nâng cao năng lực dự báo và quản lý rủi ro thiên tai và biến đổi khí hậu thông minh bằng ứng dụng khoa học, công nghệ, đặc biệt là công nghệ số và trí tuệ nhân tạo.
- Sáng kiến 14: Phong trào “Bình dân học vụ số” - Phát động phong trào phổ cập kỹ năng số, bao gồm cả kỹ năng sử dụng trí tuệ nhân tạo cho người dân, đặc biệt là nhóm yếu thế, vùng sâu, vùng xa, bảo đảm không ai bị bỏ lại phía sau trong quá trình chuyển đổi số quốc gia.
- Sáng kiến 15: Phát triển con người Việt Nam hạnh phúc - Kiến tạo một nền văn hóa mới sáng tạo, hạnh phúc, an toàn và giàu bản sắc dân tộc dựa trên môi trường sống văn minh nhờ tiến bộ của AI và chuyển đổi số. Xây dựng văn hóa học tập suốt đời gắn với bồi đắp giá trị văn hóa, đạo đức. Phát huy vai trò của khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho người dân.

*- Initiative 10: Smart healthcare – Developing a comprehensive smart healthcare system, ensuring that all citizens receive effective and timely healthcare through the application of digital technologies, artificial intelligence, and big data.*

- Initiative 11: Smart education – Building open, multimedia learning resources, developing anytime, anywhere learning systems, and supporting the personalization of learning based on artificial intelligence technologies.
- Initiative 12: Sustainable and smart agriculture – Developing modern agricultural models that apply digital technologies and artificial intelligence to effectively respond to climate change, ensure food security, and secure sustainable incomes for farmers.
- Initiative 13: Green environment and smart cities – Developing green, environmentally friendly urban models; building smart environmental monitoring and management systems; and enhancing capacity for forecasting and smart management of natural disaster and climate change risks through the application of science and technology, particularly digital technologies and artificial intelligence.
- Initiative 14: “Digital literacy for all” movement – Launching a movement to universalize digital skills, including artificial intelligence skills, for the population, especially vulnerable groups and people in remote and disadvantaged areas, ensuring that no one is left behind in the process of national digital transformation.
- Initiative 15: Developing happy Vietnamese people – Fostering a new culture that is innovative, happy, safe, and rich in national identity, grounded in a civilized living environment enabled by advances in artificial intelligence and digital transformation. Building a lifelong learning culture linked to the cultivation of cultural and ethical values, and promoting the role of science, technology, innovation, and digital transformation in enhancing the material and spiritual life of the people.

#### **4. Hệ thống hạ tầng thông tin và dữ liệu (Hệ thống 4) *(System for information and data infrastructure (System 4))***

##### **a) Nội dung chính *(Main contents)***

Phát triển hạ tầng, nhất là hạ tầng số, công nghệ số trên nguyên tắc "hiện đại, đồng bộ, an ninh, an toàn, hiệu quả, tránh lãng phí", triển khai mạnh mẽ Cuộc cách mạng dữ liệu quốc gia, đưa dữ liệu thành tư liệu sản xuất chính, tạo nguồn lực mới cho phát triển, góp phần đưa Việt Nam trở thành quốc gia giàu có về dữ liệu.

*Developing infrastructure—especially digital and digital-technology infrastructure—in accordance with the principle of being “modern, synchronized, secure, safe, efficient, and waste-avoiding”; vigorously implementing the National Data Revolution, transforming data into a primary factor of production, creating new development resources, and contributing to positioning Viet Nam as a data-rich nation.*

##### **b) Vai trò chiến lược *(Strategic role)***

Hệ thống hạ tầng thông tin và dữ liệu giữ vai trò nền tảng thiết yếu trong tiến trình xây dựng nền kinh tế số, xã hội số và Chính phủ số. Đây là yếu tố quyết định bảo đảm sự kết nối liên thông, đồng bộ giữa các hệ thống công nghệ thông minh, các dịch vụ số và các nền tảng số phục vụ

người dân, doanh nghiệp và cơ quan nhà nước. Đồng thời là động lực quan trọng để nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia, tạo lập môi trường phát triển mới dựa trên dữ liệu và công nghệ trí tuệ nhân tạo.

*The information and data infrastructure system plays an essential foundational role in the process of building the digital economy, digital society, and digital government. It is a decisive factor in ensuring interoperability and synchronization among intelligent technology systems, digital services, and digital platforms serving citizens, enterprises, and state agencies. At the same time, it serves as a key driving force for enhancing national competitiveness and for creating a new development environment based on data and artificial intelligence technologies.*

**c) Sáng kiến đột phá (*Breakthrough initiatives*)**

- Sáng kiến 16: Phát triển hạ tầng viễn thông, Internet đáp ứng yêu cầu dự phòng, kết nối, an toàn, bền vững, theo nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội hiện đại.
- Sáng kiến 17: Điện toán đám mây và Trung tâm dữ liệu quốc gia - Xây dựng hạ tầng lưu trữ và xử lý dữ liệu an toàn, hiệu quả, có khả năng mở rộng và chia sẻ linh hoạt trên quy mô toàn quốc.
- Sáng kiến 18: Nền tảng IoT quốc gia - Phát triển các nền tảng kết nối, quản lý, phân tích dữ liệu thiết bị thông minh trong mọi lĩnh vực sản xuất, đời sống, góp phần xây dựng hệ sinh thái đô thị thông minh và kinh tế số.
- Sáng kiến 19: Cách mạng dữ liệu quốc gia - Giải phóng dữ liệu, thiết lập cơ chế kết nối, khai thác, chia sẻ và sử dụng hiệu quả dữ liệu như tư liệu sản xuất mới, tạo động lực phát triển nhanh và bền vững.
- Sáng kiến 20: Cách mạng công nghệ cơ yếu bảo đảm an toàn thông tin - Phát triển và làm chủ công nghệ cơ yếu thể hệ mới dựa trên mã hoá lượng tử và hậu lượng tử góp phần tăng cường năng lực phòng vệ mạng và bảo vệ chủ quyền không gian số quốc gia.

- *Initiative 16: Developing telecommunications and Internet infrastructure that meets requirements for redundancy, connectivity, safety, and sustainability, in line with the needs of modern socio-economic development.*
- *Initiative 17: Cloud computing and the National Data Center – Building secure and efficient data storage and processing infrastructure with scalability and flexible nationwide sharing capabilities.*
- *Initiative 18: National IoT platform – Developing platforms for the connection, management, and data analytics of smart devices across all sectors of production and daily life, contributing to the development of a smart city ecosystem and the digital economy.*
- *Initiative 19: National Data Revolution – Unlocking data; establishing mechanisms for the connection, exploitation, sharing, and effective use of data as a new factor of production, thereby creating momentum for rapid and sustainable development.*
- *Initiative 20: Revolution in cryptographic technologies to ensure information security – Developing and mastering next-generation cryptographic technologies based on quantum and*

*post-quantum encryption, contributing to enhanced cyber defense capabilities and the protection of national digital sovereignty.*

## **5. Hệ thống năng lực sáng tạo và văn hóa đổi mới (Hệ thống 5) *(System for creative capacity and innovation culture (System 5))***

### **a) Nội dung chính *(Main contents)***

Tập trung xây dựng hệ sinh thái khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo toàn diện, lấy con người làm trung tâm, tri thức làm nền tảng và văn hóa đổi mới sáng tạo làm động lực, chú trọng việc thu hút và phát triển nhân tài khoa học công nghệ. Hệ sinh thái này được cấu thành bởi 3 trụ cột quan trọng:

- (1) Mạng lưới nghiên cứu phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo: Là nơi hội tụ các nguồn lực tri thức tiên tiến, làm chủ công nghệ lõi, phát triển các sản phẩm, dịch vụ công nghệ đột phá. Coi trọng nghiên cứu, đào tạo và phổ cập khoa học cơ bản làm nền tảng cho ứng dụng và phát triển công nghệ nội sinh.
- (2) Nguồn nhân lực chất lượng cao: Xây dựng đội ngũ nhân lực có trình độ chuyên môn sâu, đẳng cấp quốc tế, giàu trí tuệ và đam mê sáng tạo và cống hiến, có khả năng giải quyết các bài toán lớn của quốc gia, phát triển tư duy mở và năng lực đổi mới sáng tạo trong mọi lĩnh vực.
- (3) Văn hóa đổi mới sáng tạo: Hình thành tinh thần dám nghĩ, dám làm, dám thay đổi và chấp nhận rủi ro, thúc đẩy ý chí tiên phong, sẵn sàng vượt khỏi vùng an toàn để khám phá các hướng đi mới, tạo giá trị mới cho xã hội và nền kinh tế.

*Focusing on building a comprehensive ecosystem for science, technology, and innovation, placing people at the center, knowledge as the foundation, and an innovation culture as the driving force, with particular emphasis on attracting and developing science and technology talent. This ecosystem is structured around three key pillars:*

- (1) Science, technology, and innovation research and development network: Serving as a hub that brings together advanced knowledge resources, enables mastery of core technologies, and develops breakthrough technology products and services. Emphasis is placed on research, training, and the dissemination of basic sciences as the foundation for the application and development of endogenous technologies.*
- (2) High-quality human resources: Building a workforce with deep professional expertise, international standards, rich in intellectual capacity and passion for creativity and dedication, capable of addressing major national challenges, and fostering open-minded thinking and innovation capacity across all fields.*
- (3) Innovation culture: Cultivating a spirit of daring to think, daring to act, daring to change, and accepting risks; promoting pioneering will, readiness to move beyond comfort zones to explore new pathways, and creating new value for society and the economy.*

### **b) Vai trò chiến lược *(Strategic role)***

Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo đang trở thành phương thức sản xuất mới, có tác động sâu rộng tới mọi mặt đời sống kinh tế - xã hội. Đây không chỉ là công cụ tạo ra tri thức, công nghệ và sản phẩm mới mà còn là tư duy mới, nguồn năng lượng tinh thần, thúc đẩy khát vọng vươn lên, tinh thần khai phá, sáng tạo không ngừng của con người trong công cuộc cải tạo tự nhiên, xã hội và phát triển kinh tế bền vững, phục vụ mục tiêu xây dựng một đất nước Việt Nam hùng cường, thịnh vượng và hạnh phúc.

*Science, technology, and innovation are increasingly becoming new modes of production, exerting far-reaching impacts across all aspects of socio-economic life. They are not only tools for generating new knowledge, technologies, and products, but also represent a new way of thinking and a source of spiritual and intellectual energy, fostering aspirations for advancement, a pioneering spirit, and continuous creativity in humanity's efforts to transform nature and society and to achieve sustainable economic development, in service of the goal of building a strong, prosperous, and happy Viet Nam.*

### **c) Sáng kiến đột phá (*Breakthrough initiatives*)**

- Sáng kiến 21: Mạng lưới Trung tâm nghiên cứu xuất sắc và phòng thí nghiệm trọng điểm dùng chung - Hình thành các trung tâm nghiên cứu, chuyển giao công nghệ hiện đại, thúc đẩy hợp tác viện nghiên cứu, trường, doanh nghiệp trong nghiên cứu, phát triển và thương mại hoá sản phẩm công nghệ.
- Sáng kiến 22: Thu hút và ươm tạo tài năng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo - Xây dựng cơ chế đặc thù, môi trường làm việc đẳng cấp quốc tế, chính sách đãi ngộ cạnh tranh nhằm thu hút, phát hiện, nuôi dưỡng và phát triển đội ngũ nhân tài khoa học, công nghệ trong và ngoài nước.
- Sáng kiến 23: Nghiên cứu cơ bản và phát triển công nghệ lõi cho máy tính thế hệ tương lai - Đẩy mạnh nghiên cứu cơ bản và phát triển công nghệ lõi trong các lĩnh vực tính toán và truyền tin lượng tử, máy tính mô phỏng não bộ và máy tính thế hệ mới, từng bước làm chủ tri thức nền và công nghệ gốc. Hình thành nhóm nghiên cứu mạnh, kết nối chuyên gia quốc tế, xây dựng hạ tầng thử nghiệm, tạo nền tảng cho các đột phá về trí tuệ nhân tạo, siêu tính toán và xử lý dữ liệu quy mô lớn.
- Sáng kiến 24: Nền tảng thông tin và tri thức khoa học công nghệ dùng chung - Phát triển nền tảng tích hợp dữ liệu, thông tin, tri thức khoa học, công nghệ quốc gia, ứng dụng AI hỗ trợ nghiên cứu khoa học và sáng tạo.
- Sáng kiến 25: Văn hóa đổi mới - Xây dựng hệ thống giá trị, môi trường và cơ chế thúc đẩy tinh thần sáng tạo, tôn vinh đổi mới sáng tạo, bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ, lan toả văn hóa đổi mới trong toàn xã hội. Phát triển đội ngũ doanh nhân công nghệ; văn hóa doanh nhân công nghệ; xây dựng văn hóa trách nhiệm xã hội, phổ cập tri thức, chủ động sáng tạo, tự chủ và tự chịu trách nhiệm của các nhà khoa học, tổ chức khoa học, công nghệ và cơ sở giáo dục đại học.

- Initiative 21: Network of Centers of Excellence and shared key laboratories – Establishing modern research and technology transfer centers, and promoting cooperation among research institutes, universities, and enterprises in research, development, and commercialization of technological products.
- Initiative 22: Attracting and nurturing science, technology, and innovation talent – Developing special mechanisms, international-standard working environments, and competitive incentive policies to attract, identify, nurture, and develop science and technology talents both domestically and internationally.
- Initiative 23: Basic research and core technology development for next-generation computing – Intensifying basic research and the development of core technologies in quantum computing and communications, brain-inspired computing, and next-generation computing systems, gradually mastering foundational knowledge and original technologies. Establishing strong research groups, connecting with international experts, building experimental infrastructure, and laying the groundwork for breakthroughs in artificial intelligence, high-performance computing, and large-scale data processing.
- Initiative 24: Shared platform for science and technology information and knowledge – Developing an integrated national platform for science and technology data, information, and knowledge, applying artificial intelligence to support scientific research and innovation.
- Initiative 25: Innovation culture – Building a value system, environment, and mechanisms that foster creative spirit, honor innovation, and protect intellectual property rights, while spreading an innovation culture across society. Developing a community of technology entrepreneurs and a technology entrepreneurship culture; and fostering a culture of social responsibility, knowledge dissemination, proactive creativity, autonomy, and accountability among scientists, science and technology organizations, and higher education institutions.

## **6. Hệ thống dự án đặc biệt quan trọng (Hệ thống 6) *(System of specially important projects (System 6))***

### **a) Nội dung chính *(Main contents)***

Tập trung huy động và ưu tiên nguồn lực quốc gia để tổ chức triển khai thành công một số dự án công nghệ quy mô lớn, có tính đột phá, sản phẩm cụ thể, mang lại tác động mạnh mẽ tới phát triển kinh tế - xã hội và giải quyết các bài toán lớn, mang tính chiến lược của đất nước.

Việc lựa chọn và phê duyệt các dự án đặc biệt quan trọng được thực hiện trên cơ sở phân tích kỹ lưỡng xu hướng và kinh nghiệm quốc tế, năng lực nội tại của Việt Nam, dự báo nhu cầu thị trường trong nước và quốc tế, xác định vị trí tối ưu của Việt Nam trong chuỗi giá trị toàn cầu, bảo đảm tính khả thi và đánh giá toàn diện về hiệu quả và tác động.

*Focusing on mobilizing and prioritizing national resources to successfully implement a number of large-scale, breakthrough technology projects with concrete outputs, generating strong impacts on socio-economic development and addressing major, strategic challenges of the country.*

*The selection and approval of specially important projects are conducted on the basis of thorough analysis of international trends and experiences, Viet Nam's internal capabilities, forecasts of domestic and international market demand, and the identification of Viet Nam's optimal position in the global value chain, while ensuring feasibility and conducting a comprehensive assessment of effectiveness and impacts.*

**b) Vai trò chiến lược (*Strategic role*)**

Các dự án đặc biệt quan trọng là động lực chiến lược, tạo ra kết quả đột phá và sức lan tỏa mạnh mẽ trên nhiều lĩnh vực. Việc triển khai các dự án này không chỉ nhằm tạo ra các tri thức, công nghệ tiên tiến, sản phẩm công nghệ cao, mà còn góp phần hình thành đội ngũ nhân lực chất lượng cao, hoàn thiện mô hình quản lý, nâng cao năng lực tổ chức trong lĩnh vực khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, qua đó tạo ra sự chuyển biến vượt bậc về kinh tế, xã hội và nhận thức trong toàn xã hội. Các dự án này sẽ tạo ra những kết quả thực tiễn rõ nét, truyền cảm hứng và tạo đà cho việc triển khai Kế hoạch hành động chiến lược trong những giai đoạn tiếp theo.

*The specially important projects serve as strategic drivers, generating breakthrough outcomes and exerting strong spillover effects across multiple sectors. The implementation of these projects is not only aimed at creating advanced knowledge, cutting-edge technologies, and high-tech products, but also contributes to the formation of a high-quality workforce, the refinement of management models, and the enhancement of organizational capacity in the fields of science, technology, and innovation. Thereby, they bring about transformative changes in the economy, society, and public awareness as a whole. These projects will deliver clear and tangible practical outcomes, inspire confidence, and create momentum for the implementation of the Strategic Action Plan in subsequent phases.*

**c) Cơ chế đặc thù cho các dự án đặc biệt quan trọng (*Special mechanisms for specially important projects*)**

- Các dự án đặc biệt quan trọng có thể là các dự án mới hoặc được lồng ghép với các dự án quốc gia đã được phê duyệt, được đề xuất tham gia hệ thống các dự án đặc biệt quan trọng. Nội dung cụ thể, mục tiêu, sản phẩm của từng dự án sẽ được các cơ quan chủ trì xây dựng thành các đề án chi tiết trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.
- Được bảo trợ, giám sát trực tiếp và tạo điều kiện thuận lợi tối đa về cơ chế, chính sách, tháo gỡ rào cản, thử nghiệm các mô hình mới trong quản lý và triển khai.
- Trưởng ban và các thành viên Ban Quản lý dự án được tuyển chọn công khai, minh bạch, bảo đảm năng lực, phẩm chất đạo đức, tính liêm chính, đồng thời được hưởng chế độ đãi ngộ cạnh tranh tương xứng với yêu cầu và trách nhiệm công việc.
- Các cơ chế đặc thù áp dụng cho các dự án đặc biệt quan trọng sẽ được nghiên cứu, tổng kết, nhanh chóng hoàn thiện và thể chế hoá trong khung luật pháp để áp dụng rộng rãi cho việc triển khai Kế hoạch hành động chiến lược quốc gia.

- *Specially important projects may be new projects or integrated with already approved national projects, and may be proposed for inclusion in the system of specially important projects. The specific contents, objectives, and outputs of each project shall be developed by the lead agencies into detailed project proposals and submitted to competent authorities for approval.*
- *These projects shall receive sponsorship, direct oversight, and maximum facilitation in terms of mechanisms and policies, including the removal of barriers and the piloting of new management and implementation models.*
- *The Head and members of the Project Management Board shall be selected through open and transparent recruitment, ensuring professional competence, ethical standards, and integrity, and shall be entitled to competitive remuneration commensurate with the requirements and responsibilities of their positions.*
- *The special mechanisms applied to specially important projects shall be studied, reviewed, promptly refined, and institutionalized within the legal framework for broad application in the implementation of the National Strategic Action Plan.*

**d) Sáng kiến đột phá (*Breakthrough initiatives*)**

- Sáng kiến 26: AI quốc gia - Hình thành trung tâm đầu não về nghiên cứu, đào tạo và thử nghiệm AI, có cơ chế đặc thù, liên kết quốc tế, tự chủ tài chính; phát triển mô hình ngôn ngữ lớn (LLM) dành riêng cho tiếng Việt và bối cảnh văn hóa Việt, phục vụ ứng dụng AI vào giáo dục, pháp lý, y tế, hành chính công; thiết lập cơ chế thử nghiệm các mô hình, giải pháp AI trong môi trường pháp lý được kiểm soát, tạo điều kiện cho đổi mới sáng tạo; tích hợp chương trình AI trong các cấp học, mở rộng đào tạo đại trà kỹ năng AI cơ bản cho học sinh - sinh viên; tạo quỹ AI quốc gia, mời gọi các tập đoàn công nghệ đầu tư cùng Chính phủ phát triển nền tảng AI hạ tầng, AI điện toán đám mây, siêu máy tính AI; phát triển nguồn nhân lực thiết kế, sản xuất chip AI chuyên dụng, làm chủ công nghệ đóng gói tiên tiến phục vụ các ngành công nghiệp mũi nhọn.

*Initiative 26: National AI – Establishing a central hub for AI research, training, and experimentation, with special mechanisms, international linkages, and financial autonomy; developing large language models (LLMs) specifically for the Vietnamese language and cultural context, serving AI applications in education, legal affairs, healthcare, and public administration; establishing controlled regulatory sandbox mechanisms for piloting AI models and solutions to enable innovation; integrating AI curricula at all levels of education, and expanding mass training in basic AI skills for students; creating a National AI Fund and inviting technology corporations to co-invest with the Government in developing AI infrastructure platforms, cloud-based AI computing, and AI supercomputing; and developing human resources for the design and production of specialized AI chips, mastering advanced packaging technologies to serve key industries.*

- Sáng kiến 27: Công nghệ gen chữa bệnh - Làm chủ công nghệ gen và AI trong y học chính xác, nâng cao chất lượng chăm sóc sức khỏe người dân; hợp tác quốc tế nghiên cứu, phát triển công

nghe AI trong thiết kế thuốc và phác đồ điều trị một số bệnh phổ biến, bảo đảm tiếp cận các thành tựu y học hiện đại.

*Initiative 27: Gene technology for disease treatment – Mastering gene technologies and AI in precision medicine to improve the quality of healthcare for the population; promoting international cooperation in the research and development of AI technologies for drug design and treatment protocols for a number of common diseases, ensuring access to modern medical advances.*

- Sáng kiến 28: Công nghệ năng lượng nguyên tử - Làm chủ công nghệ lưu trữ, vận chuyển chất phóng xạ và nghiên cứu, phát triển lò phản ứng nguyên tử cỡ nhỏ, bảo đảm an toàn và phục vụ dân sinh hướng tới các vấn đề năng lượng tương lai, kỹ thuật thăm dò, chăm sóc sức khỏe, tạo giống mới.

*Initiative 28: Nuclear energy technology – Mastering technologies for the storage and transportation of radioactive materials, and researching and developing small modular nuclear reactors, ensuring safety and serving civilian needs, with a view toward addressing future energy challenges, as well as applications in exploration techniques, healthcare, and new breed development.*

- Sáng kiến 29: Công nghệ đường sắt cao tốc Bắc - Nam - Nghiên cứu, phát triển các công nghệ liên quan tới đường sắt cao tốc phù hợp với điều kiện địa hình, môi trường Việt Nam, gắn với phát triển các siêu đô thị thông minh.

*Initiative 29: North-South high-speed railway technology – Researching and developing technologies related to high-speed railways suited to Viet Nam's terrain and environmental conditions, in conjunction with the development of smart megacities.*

- Sáng kiến 30: Công nghệ chế tạo thiết bị không người lái và robot phục vụ an ninh - quốc phòng và sản xuất tự động - Làm chủ và phát triển các công nghệ lõi gồm công nghệ dữ liệu, trí tuệ nhân tạo, trí tuệ nhân tạo biên (Edge AI), định vị - dẫn đường, an ninh mạng; thiết kế, chế tạo thiết bị không người lái, robot hiện đại, đa năng; phát triển hệ thống vệ tinh viễn thám và vệ tinh thông tin liên lạc quốc gia phục vụ an ninh - quốc phòng. Đồng thời, thúc đẩy ứng dụng dân sự, đặc biệt là phát triển robot làm việc tự động tại nhà máy, khu công nghiệp nhằm nâng cao năng suất, hình thành mô hình nhà máy "không đèn - không người - làm việc liên tục", góp phần hiện đại hoá sản xuất và nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia.

*Initiative 30: Technologies for manufacturing unmanned systems and robots for security, defense, and automated production – Mastering and developing core technologies including data technologies, artificial intelligence, edge AI, positioning and navigation, and cybersecurity; designing and manufacturing modern, multifunctional unmanned systems and robots; developing national remote sensing satellite systems and communications satellites in support of national defense and security. At the same time, promoting civilian applications, particularly the development of robots for automated operations in factories and industrial zones to enhance*

*productivity, forming “lights-out, unmanned, continuous-operation” factory models, thereby contributing to the modernization of production and the enhancement of national competitiveness.*

### **III. GIẢI PHÁP TRỌNG TÂM VÀ ĐỘT PHÁ *(Key and Breakthrough Solutions)***

#### **1. Phát huy vai trò lãnh đạo toàn diện, trực tiếp của Đảng trong tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch hành động chiến lược *(Bringing into full play the comprehensive and direct leadership role of the Party in organizing and implementing the Strategic Action Plan)***

Ban Chỉ đạo Trung ương chỉ đạo các đảng ủy trực thuộc Trung ương tập trung lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện những nhiệm vụ sau:

*The Central Steering Committee directs Party committees affiliated with the Central Government to focus on leading and directing the implementation of the following tasks:*

- Chủ động nắm bắt tình hình và kịp thời chỉ đạo chiến lược thông qua việc vận hành hiệu quả hệ thống báo cáo thời gian thực, gắn với hệ thống chỉ tiêu chiến lược.

*Proactively monitoring developments and providing timely strategic direction through the effective operation of a real-time reporting system, aligned with the strategic indicator system.*

- Tăng cường điều phối hoạt động của các bộ, ngành, địa phương thông qua hệ thống cấp ủy các cấp, tạo sức mạnh tổng hợp để tổ chức triển khai các nhiệm vụ được giao.

*Strengthening the coordination of activities among ministries, sectors, and localities through the Party committee system at all levels, thereby creating synergistic strength to organize and implement assigned tasks.*

- Chủ động rà soát, tháo gỡ kịp thời các vướng mắc, bất cập về cơ chế, chính sách trong quá trình triển khai thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW; đồng thời nghiên cứu, xây dựng và ban hành các cơ chế, chính sách thí điểm đặc thù (nếu cần thiết) để thúc đẩy hiệu quả triển khai.

*Proactively reviewing and promptly removing obstacles and inadequacies in mechanisms and policies during the implementation of Resolution No. 57-NQ/TW; at the same time, researching, formulating, and promulgating pilot, special mechanisms and policies (where necessary) to enhance the effectiveness of implementation.*

#### **2. Triển khai các nội dung của Nghị quyết số 57-NQ/TW trong các chương trình, dự án kinh tế, xã hội *(Integrating the contents of Resolution No. 57-NQ/TW into socio-economic programs and projects)***

- Các chương trình, dự án kinh tế, xã hội quốc gia có quy mô nhóm A, B phải có hợp phần ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, đồng thời chỉ định Kiến trúc sư trưởng chuyên trách có đủ quyền hạn và năng lực chuyên môn tổ chức triển khai thực hiện hợp

phần này. Với các dự án nhóm A thì chủ đầu tư chịu trách nhiệm đánh giá hiệu quả việc ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số và báo cáo kết quả về Ban Chỉ đạo Trung ương để tổng hợp, đánh giá chung kết quả triển khai Nghị quyết số 57-NQ/TW. Với các dự án nhóm B thì báo cáo Ban Chỉ đạo Chính phủ hoặc Ban Chỉ đạo cấp tỉnh theo phân cấp quản lý.

*National socio-economic programs and projects classified as Group A or Group B must include a component for the application of science, technology, innovation, and digital transformation, and designate a full-time Chief Architect with sufficient authority and professional capacity to organize and implement this component. For Group A projects, the project owner shall be responsible for assessing the effectiveness of the application of science, technology, innovation, and digital transformation, and reporting the results to the Central Steering Committee for consolidation and overall evaluation of the implementation of Resolution No. 57-NQ/TW. For Group B projects, reports shall be submitted to the Government Steering Committee or the provincial-level Steering Committee, in accordance with the assigned management decentralization.*

- Các chương trình, dự án kinh tế, xã hội đang triển khai có thể bổ sung hợp phần ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số nhằm nâng cao hiệu quả của chương trình, dự án và được đưa vào danh sách các hoạt động triển khai Nghị quyết số 57-NQ/TW. Định kỳ báo cáo Ban Chỉ đạo các cấp theo phân cấp quản lý để tổng hợp.

*Ongoing socio-economic programs and projects may add a component for the application of science, technology, innovation, and digital transformation in order to enhance their effectiveness, and may be included in the list of activities implementing Resolution No. 57-NQ/TW. Reports shall be submitted periodically to the Steering Committees at the respective levels, in accordance with management decentralization, for consolidation.*

### **3. Bảo đảm tính đồng bộ hệ thống, phối hợp và tối ưu trong việc triển khai (*Ensuring systemic coherence, coordination, and optimization in implementation*)**

- Mỗi Hệ thống chiến lược trọng yếu phải có 1 Tổng công trình sư[4] để kết hợp giữa lãnh đạo chuyên môn và quản lý chương trình.

*Each key strategic system shall be assigned one Chief Engineer[4] to integrate professional leadership with program management.*

- Các dự án đặc biệt quan trọng được tập trung mọi nguồn lực, được áp dụng thử nghiệm các cơ chế mới nhất, được các Tổng công trình sư hỗ trợ để hoàn thành đúng hạn với hiệu quả cao.

*Specially important projects shall be given priority access to all necessary resources, be allowed to pilot the most advanced and innovative mechanisms, and receive support from the Chief Engineers to ensure on-schedule completion with high effectiveness.*

- Tổng công trình sư và trưởng ban quản lý dự án đặc biệt quan trọng có trách nhiệm báo cáo định kỳ hằng tháng hoặc đột xuất theo yêu cầu của Ban Chỉ đạo Trung ương.

*Chief Engineers and Heads of the Management Boards of specially important projects shall be responsible for monthly periodic reports or ad hoc reports, as required by the Central Steering Committee.*

#### **4. Nâng cao vai trò chủ động của các địa phương (*Enhancing the proactive role of local authorities*)**

- Phát huy vai trò chủ động của các địa phương trong việc xác định nhu cầu thực tiễn với tầm nhìn dài hạn; đề xuất các sáng kiến có tính đổi mới, tác động thực chất và phù hợp với điều kiện đặc thù. Chủ động bố trí, huy động và lồng ghép các nguồn lực để tổ chức thực hiện hiệu quả các nhiệm vụ thuộc Kế hoạch hành động chiến lược.

*Promote the proactive role of local authorities in identifying practical needs with a long-term vision; proposing innovative initiatives with substantive impact that are aligned with local specific conditions. Proactively allocate, mobilize, and integrate resources to effectively implement the tasks under the Strategic Action Plan.*

- Tăng cường kết nối với các trung tâm nghiên cứu, trường đại học, doanh nghiệp trên địa bàn và trong cả nước, đồng thời thúc đẩy hợp tác quốc tế trong triển khai nhiệm vụ. Ban Chỉ đạo cấp tỉnh chịu trách nhiệm điều phối, theo dõi tiến độ, đánh giá định kỳ và kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện.

*Strengthen linkages with research institutes, universities, and enterprises within the locality and nationwide, while promoting international cooperation in task implementation. Provincial-level Steering Committees shall be responsible for coordination, progress monitoring, periodic evaluation, and the timely resolution of difficulties and obstacles arising during implementation.*

- Khuyến khích hợp tác liên vùng giữa các địa phương và phối hợp chặt chẽ với các bộ, ngành để tiếp cận chuyên môn, công nghệ, nguồn lực và chia sẻ mô hình triển khai hiệu quả, góp phần nâng cao năng lực thực thi, bảo đảm tính đồng bộ và lan toả trong thực hiện Kế hoạch trên toàn quốc.

*Encourage inter-regional cooperation among localities and close coordination with ministries and sectors to access expertise, technology, and resources, and to share effective implementation models, thereby enhancing implementation capacity and ensuring coherence and spillover effects in the nationwide implementation of the Plan.*

#### **5. Xây dựng chế độ quản trị hiện đại, trọng dụng nhân tài, đúng người, đúng việc (*Establishing a modern governance regime and promoting merit-based, right-person-for-the-right-job talent utilization*)**

- Huy động sự tham gia của các chủ thể trong xã hội (cả khu vực công và tư) đề xuất và đăng ký triển khai các sáng kiến định hướng trong kế hoạch này, bảo đảm công khai, minh bạch gắn với

trách nhiệm xem xét đánh giá của các cơ quan chức năng, Tổng công trình sư của hệ thống liên quan và thẩm quyền quyết định của Thường trực Ban Chỉ đạo Trung ương. Thường trực Ban Chỉ đạo phân công thành viên Ban Chỉ đạo trực tiếp chỉ đạo, giám sát việc tổ chức thực hiện.

*Mobilize the participation of societal stakeholders (from both the public and private sectors) to propose and register for the implementation of orientation-based initiatives under this Plan, ensuring openness and transparency associated with the accountability for appraisal and evaluation by competent authorities, the Chief Engineers of the relevant systems, and the decision-making authority of the Standing Committee of the Central Steering Committee. The Standing Committee of the Steering Committee shall assign members of the Steering Committee to directly direct and supervise the organization of implementation.*

- Thiết lập hệ thống báo cáo, xử lý dữ liệu báo cáo sử dụng công nghệ hiện đại nhất, kèm quy trình phân tích, cảnh báo và hỗ trợ ra quyết định kịp thời, chính xác.

*Establish a reporting and report-data processing system using the most advanced technologies, together with procedures for analysis, early warning, and timely, accurate decision support.*

- Đề xuất và thực hiện các biện pháp điều chỉnh, tháo gỡ, khuyến khích phù hợp ngay khi xuất hiện những yếu tố bất lợi hoặc nguy cơ phát sinh rủi ro.

*Propose and implement appropriate adjustment, mitigation, and incentive measures immediately upon the emergence of adverse factors or potential risks.*

- Phân cấp và giao quyền chủ động cho các cơ quan chủ quản chương trình, dự án, lựa chọn Kiến trúc sư trưởng đi kèm chế độ đãi ngộ xứng đáng, nhằm thu hút và phát huy tốt nhất năng lực của đội ngũ này.

*Decentralize authority and grant autonomy to agencies in charge of programs and projects; select Chief Architects accompanied by commensurate remuneration schemes, in order to attract and fully leverage the capabilities of this workforce.*

- Các Tổng công trình sư, trưởng ban quản lý dự án đặc biệt quan trọng và đội ngũ giúp việc được lựa chọn minh bạch, có năng lực và phẩm chất tốt, được đãi ngộ xứng đáng, tạo điều kiện làm việc tốt nhất và liêm chính.

*Chief Engineers, heads of especially important project management units, and supporting staff shall be selected in a transparent manner; possess strong capacity and integrity, receive appropriate remuneration, and be provided with the best possible working conditions to ensure probity.*

- Quy định rõ trách nhiệm giải trình và trách nhiệm cá nhân của người trực tiếp phụ trách hệ thống, chương trình, dự án trước cơ quan chủ quản, Ban Chỉ đạo các cấp theo phân cấp quản lý và trước pháp luật.

*Clearly stipulate accountability and individual responsibility of persons directly in charge of systems, programs, and projects before their managing authorities, Steering Committees at all levels in accordance with the decentralization framework, and before the law.*

Việc xác định tiêu chí, quy chế quản lý, chế độ làm việc, đãi ngộ và quy trình tuyển dụng đội ngũ này do Thủ tướng Chính phủ, Phó Trưởng Ban Chỉ đạo xem xét, quyết định sau khi có ý kiến của Thường trực Ban Chỉ đạo Trung ương, bảo đảm lựa chọn được những cá nhân có năng lực chuyên môn cao, kinh nghiệm, uy tín.

*The determination of criteria, management regulations, working arrangements, remuneration regimes, and recruitment procedures for this workforce shall be considered and decided by the Prime Minister, Vice Chair of the Steering Committee, after obtaining opinions from the Standing Committee of the Central Steering Committee, ensuring the selection of individuals with high professional competence, experience, and credibility.*

#### **6. Xây dựng, ban hành và vận hành hiệu quả các cơ chế đặc thù (*Establishing, promulgating, and effectively operating special mechanisms*)**

Các cơ quan có thẩm quyền khẩn trương xây dựng và ban hành cơ chế đặc thù để triển khai các nhiệm vụ thuộc Kế hoạch hành động chiến lược, trong đó tập trung vào các nội dung:

*Competent authorities shall urgently formulate and promulgate special mechanisms to implement the tasks under the Strategic Action Plan, with a focus on the following areas:*

- Khuyến khích mô hình hợp tác dân sự - quốc phòng nhằm đẩy nhanh tiến độ nghiên cứu, phát triển các sản phẩm lưỡng dụng; yêu cầu chuyển giao công nghệ sang dân dụng sau thời gian phù hợp và coi đây là tiêu chí đánh giá hiệu quả của dự án.

*Encourage civil–defense cooperation models to accelerate the research, development, and production of dual-use products; require the transfer of technologies to civilian applications after an appropriate period, and treat this requirement as a criterion for evaluating project effectiveness.*

- Khuyến khích hợp tác giữa doanh nghiệp tư nhân và các tổ chức công lập trong xây dựng hạ tầng phục vụ khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số theo phương thức hợp tác công tư; cho phép doanh nghiệp tham gia đầu tư, vận hành, thương mại hoá kết quả nghiên cứu tại các phòng thí nghiệm, cơ sở công lập. Tăng cường áp dụng cơ chế đặt hàng, đồng tài trợ và chia sẻ rủi ro giữa Nhà nước và doanh nghiệp trong đầu tư, vận hành, khai thác và thương mại hoá kết quả nghiên cứu tại các phòng thí nghiệm, cơ sở công lập và các nền tảng đổi mới sáng tạo dùng chung.

*Encourage cooperation between private enterprises and public institutions in developing infrastructure for science, technology, innovation, and digital transformation through public–private partnership (PPP) modalities; allow enterprises to participate in investment, operation, and commercialization of research outcomes at public laboratories and facilities.*

*Strengthen the application of commissioning mechanisms, co-funding, and risk-sharing between the State and enterprises in the investment, operation, exploitation, and commercialization of research outcomes at public laboratories, public facilities, and shared innovation platforms.*

- Áp dụng mức lương cạnh tranh trên thị trường lao động trong nước và quốc tế để thu hút, giữ chân đội ngũ nhân tài, chuyên gia trình độ cao trong các chương trình, dự án quan trọng.

*Apply market-competitive salary levels in both domestic and international labor markets to attract and retain talented personnel and highly qualified experts for key programs and projects.*

- Vận hành hiệu quả cơ chế quỹ, chương trình mục tiêu quốc gia đối với nguồn ngân sách nhà nước được bố trí cho khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số theo quy định của pháp luật, bố trí ít nhất 3% tổng chi ngân sách hàng năm cho phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số quốc gia và tăng dần theo yêu cầu phát triển.

*Effectively operate fund mechanisms and national target programs for state budget resources allocated to science, technology, innovation, and digital transformation in accordance with the law; allocate at least 3% of total annual state budget expenditure to the development of science, technology, innovation, and national digital transformation, with a gradual increase in line with development requirements.*

- Cho phép đầu tư có chọn lọc ra nước ngoài đối với các công ty công nghệ cao, phục vụ mục tiêu chuyển giao công nghệ về trong nước, tận dụng lợi thế thị trường nội địa để hoàn thiện sản phẩm, tăng năng lực cạnh tranh toàn cầu.

*Permit selective overseas investment by high-technology companies to serve the objective of technology transfer back to the country, leveraging advantages of the domestic market to refine products and enhance global competitiveness.*

- Quy trình thủ tục xét chọn sáng kiến dự án nêu trong kế hoạch này do Thủ tướng Chính phủ, Phó Trưởng Ban Chỉ đạo quyết định sau khi có ý kiến của Thường trực Ban Chỉ đạo Trung ương.

*The procedures for the selection and appraisal of project initiatives set out in this Plan shall be decided by the Prime Minister, Vice Chair of the Steering Committee, after obtaining opinions from the Standing Committee of the Central Steering Committee.*

## **7. Thúc đẩy hợp tác quốc tế sâu rộng, hiệu quả, thực chất (*Promoting deep, effective, and substantive international cooperation*)**

- Xây dựng cơ chế ưu đãi đặc biệt để thu hút các đối tác chiến lược lâu dài là các tập đoàn công nghệ cao đa quốc gia tham gia đầu tư, phát triển các hệ thống chiến lược tại Việt Nam, nhất là hệ thống công nghiệp nội sinh và hệ thống trung tâm nghiên cứu và phát triển (R&D) đặt tại Việt Nam.

*Establish special incentive mechanisms to attract long-term strategic partners, namely multinational high-technology corporations, to participate in investment and development of*

*strategic systems in Viet Nam, particularly indigenous industrial systems and research and development (R&D) center systems located in Viet Nam.*

- Đẩy mạnh hợp tác với các viện nghiên cứu, trường đại học uy tín trên thế giới, đồng thời bảo đảm bố trí nguồn lực tài chính xứng đáng để nghiên cứu, phát triển công nghệ và chuyển giao tri thức phục vụ các lĩnh vực trọng yếu.

*Intensify cooperation with prestigious research institutes and universities worldwide, while ensuring the allocation of commensurate financial resources for research, technology development, and knowledge transfer serving key priority sectors.*

- Chủ động đàm phán, ký kết và triển khai các dự án nghị định thư hợp tác khoa học và công nghệ liên quan đến các chương trình quốc gia với các quốc gia đối tác chiến lược toàn diện; trong đó, ưu tiên việc bố trí vốn, cung cấp dữ liệu chọn lọc và tạo điều kiện thuận lợi cho các dự án hợp tác nghiên cứu, phát triển.

*Proactively negotiate, conclude, and implement science and technology cooperation protocol projects related to national programs with countries that are comprehensive strategic partners; in which priority is given to capital allocation, the provision of selected data, and the creation of favorable conditions for cooperative research and development projects.*

#### **8. Ưu tiên triển khai trong giai đoạn đến năm 2030 (*Priority implementation in the period through 2030*)**

- Xây dựng và hoàn thiện hạ tầng nền tảng cho các Hệ thống chiến lược; tập trung nguồn lực để triển khai dứt điểm một số nhiệm vụ trọng điểm, có sản phẩm cụ thể, chỉ tiêu rõ ràng và kết quả thực chất.

*Build and complete foundational infrastructure for the Strategic Systems; concentrate resources to fully accomplish a number of key tasks with specific deliverables, clear indicators, and substantive outcomes.*

- Tạo lập và lan tỏa một số mô hình thành công tiêu biểu, đặc biệt là các dự án đặc biệt quan trọng và các cầu phần khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong các siêu dự án quốc gia, nhằm tạo động lực và khí thế mới cho việc triển khai Kế hoạch hành động chiến lược trong giai đoạn tiếp theo.

*Establish and disseminate a number of exemplary successful models, particularly especially important projects and science, technology, innovation, and digital transformation components within national mega-projects, in order to create new momentum and impetus for the implementation of the Strategic Action Plan in the subsequent phase.*

- Nhanh chóng phát hiện và kịp thời tháo gỡ, xử lý triệt để các vướng mắc về thể chế, cơ chế, chính sách phát sinh trong quá trình triển khai, trên tinh thần chủ động, sáng tạo và đột phá.

*Promptly identify and timely remove and thoroughly address institutional, mechanism, and policy bottlenecks arising during implementation, in a proactive, innovative, and breakthrough-oriented spirit.*

- Triển khai mạnh mẽ Cuộc cách mạng dữ liệu quốc gia, thúc đẩy việc giải phóng, chia sẻ và khai thác dữ liệu như một loại tư liệu sản xuất mới; ứng dụng công nghệ trí tuệ nhân tạo tiên tiến nhất để tạo ra các giá trị kinh tế mới.

*Vigorously implement the National Data Revolution, promoting the unlocking, sharing, and exploitation of data as a new factor of production; apply the most advanced artificial intelligence technologies to generate new economic value.*

- Phổ cập và thúc đẩy việc sử dụng AI trong toàn dân, nhằm nâng cao năng suất lao động trong mọi lĩnh vực kinh tế - xã hội, hướng tới hình thành xã hội số thông minh, hiệu quả.

*Popularize and promote the use of AI among the entire population, with a view to enhancing labor productivity across all socio-economic sectors and moving toward the formation of a smart, efficient digital society.*

- Thực hiện quản trị nhà nước dựa trên dữ liệu số và tự động hoá; ra quyết định dựa trên phân tích dữ liệu và trí tuệ nhân tạo; cung cấp dịch vụ công trực tuyến không phụ thuộc địa giới hành chính trên toàn quốc, nhằm giảm chi phí và cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh.

*Implement data-driven and automated state governance; make decisions based on data analytics and artificial intelligence; and provide online public services nationwide irrespective of administrative boundaries, thereby reducing costs and improving the investment and business environment.*

## **9. Truyền thông đồng bộ, xây dựng văn hóa đổi mới sáng tạo trong toàn xã hội (*Ensuring synchronized communication and fostering a culture of innovation throughout society*)**

- Tăng cường trách nhiệm của các cơ quan truyền thông đại chúng trong việc xây dựng, sản xuất và phát sóng các chương trình đa phương tiện, truyền thông chuyên đề nhằm tuyên truyền, phổ biến nội dung, tinh thần và kết quả triển khai Nghị quyết số 57-NQ/TW, góp phần tạo sự đồng thuận, ủng hộ của toàn xã hội.

*Strengthen the responsibility of mass media agencies in developing, producing, and broadcasting multimedia programs and thematic communication initiatives to disseminate and popularize the contents, spirit, and implementation results of Resolution No. 57-NQ/TW, thereby contributing to building broad social consensus and support.*

- Xây dựng và lan toả văn hóa đổi mới sáng tạo, tôn vinh các giá trị mới, các điển hình tiên tiến, tấm gương dám nghĩ, dám làm, dám đổi mới; từng bước thấm nhuần và lan toả tinh thần đổi mới sáng tạo tới từng gia đình, từng cộng đồng dân cư và từng cấp chính quyền, tạo nên nền tảng tinh thần mạnh mẽ cho sự phát triển đất nước trong giai đoạn mới.

*Build and disseminate a culture of innovation that honors new values, advanced role models, and exemplary individuals who dare to think, dare to act, and dare to innovate; gradually instill and spread the spirit of innovation to every family, every residential community, and every level of government, thereby creating a strong spiritual foundation for national development in the new period.*

#### **IV. LỘ TRÌNH TRIỂN KHAI (IMPLEMENTATION ROADMAP)**

Để bảo đảm tính khả thi, hiệu quả và tập trung nguồn lực trong tổ chức thực hiện, Kế hoạch hành động chiến lược được triển khai theo các giai đoạn cụ thể, gắn liền với các nhiệm vụ trọng tâm đã được xác định trong Chương trình hành động của Chính phủ (Nghị quyết số 71/NQ-CP, ngày 01/4/2025 - gọi tắt là Nghị quyết số 71/NQ-CP) và các kế hoạch, chương trình liên quan khác. Lộ trình này mang tính định hướng, sẽ được Ban Chỉ đạo Trung ương định kỳ xem xét, đánh giá và điều chỉnh linh hoạt trên cơ sở kết quả thực hiện, tình hình thực tiễn và những yếu tố mới phát sinh trong quá trình triển khai.

*To ensure feasibility, effectiveness, and the concentration of resources in implementation, the Strategic Action Plan shall be carried out in specific phases, closely aligned with the key tasks identified in the Government's Action Program (Resolution No. 71/NQ-CP dated April 1, 2025 – hereinafter referred to as Resolution No. 71/NQ-CP) and other relevant plans and programs. This roadmap is of a guiding nature and shall be periodically reviewed, assessed, and flexibly adjusted by the Central Steering Committee on the basis of implementation results, practical conditions, and new factors arising in the course of implementation.*

##### **1. Giai đoạn 2025 - 2027: Xây dựng nền tảng, tạo đột phá ban đầu (Period 2025–2027: Building foundations and creating initial breakthroughs)**

Tập trung triển khai các nhiệm vụ cấp bách nhằm tạo lập nền móng vững chắc về thể chế, hạ tầng, nhận thức và khởi động các sáng kiến có tính lan tỏa cao. Mục tiêu trọng tâm:

*Focus on implementing urgent tasks to establish a solid foundation in terms of institutions, infrastructure, awareness, and the initiation of initiatives with high spillover effects. Key objectives include:*

- Hoàn thiện thể chế ưu tiên: Ban hành hoặc trình ban hành các luật, nghị định cốt lõi tháo gỡ điểm nghẽn cho khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, như: Luật Khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo, các luật thuế sửa đổi, các nghị định về đầu tư, tài chính, dữ liệu, PPP, cơ chế đặc thù... Tập trung vào các nhiệm vụ trong Mục II của Nghị quyết số 71/NQ-CP có thời hạn hoàn thành trong năm 2025 (trọng tâm: Hệ thống 1, Sáng kiến 1).

*Completing priority institutional frameworks: Promulgate or submit for promulgation core laws and decrees to remove bottlenecks for science, technology, innovation, and digital transformation, such as the Law on Science, Technology and Innovation; amended tax laws; and decrees on investment, finance, data, public–private partnership (PPP), special mechanisms, etc.*

*Priority shall be given to tasks under Section II of Resolution No. 71/NQ-CP with completion deadlines in 2025 (focus: System 1, Initiative 1).*

- Nâng cao nhận thức và quyết tâm chính trị: Triển khai mạnh mẽ các chương trình truyền thông, đào tạo, phổ biến kiến thức; xác định rõ trách nhiệm người đứng đầu trong tổ chức thực hiện. Hoàn thành các nhiệm vụ trong Mục I của Nghị quyết số 71/NQ-CP.

*Enhancing awareness and political determination: Vigorously implement communication, training, and knowledge dissemination programs; clearly define the responsibilities of heads of agencies in organizing implementation. Complete tasks under Section I of Resolution No. 71/NQ-CP.*

- Khởi động xây dựng hạ tầng và nền tảng chủ chốt: Triển khai các kế hoạch phát triển hạ tầng số (5G, 6G, cáp quang, trung tâm dữ liệu quốc gia), nền tảng số quốc gia, cơ sở dữ liệu quốc gia cốt lõi. Hoàn thành các nhiệm vụ lập kế hoạch, quy hoạch trong Mục III của Nghị quyết số 71/NQ-CP (trọng tâm: Hệ thống 4, Sáng kiến 16, Sáng kiến 17, Sáng kiến 18).

*Launching the development of key infrastructure and platforms: Implement plans for developing digital infrastructure (5G, 6G, fiber optic networks, national data centers), national digital platforms, and core national databases. Complete planning and master planning tasks under Section III of Resolution No. 71/NQ-CP (focus: System 4, Initiatives 16, 17, and 18).*

- Phát triển nguồn nhân lực ban đầu: Xây dựng và ban hành các đề án, chính sách thu hút, trọng dụng nhân tài, đào tạo nhân lực chất lượng cao, đặc biệt trong các lĩnh vực chiến lược như AI, bán dẫn. Hoàn thành các nhiệm vụ trong Mục IV của Nghị quyết số 71/NQ-CP (trọng tâm: Hệ thống 5, Sáng kiến 22).

*Developing initial human resources: Formulate and promulgate schemes and policies to attract and utilize talent and to train high-quality human resources, particularly in strategic fields such as artificial intelligence and semiconductors. Complete tasks under Section IV of Resolution No. 71/NQ-CP (focus: System 5, Initiative 22).*

- Thúc đẩy Chính phủ số và dịch vụ công: Tăng cường số hoá quy trình, cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình, kết nối cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư. Hoàn thành các nhiệm vụ trong Mục V của Nghị quyết số 71/NQ-CP (trọng tâm: Hệ thống 1, Sáng kiến 2).

*Promoting digital government and public services: Intensify the digitization of processes, provide end-to-end online public services, and connect with the national population database. Complete tasks under Section V of Resolution No. 71/NQ-CP (focus: System 1, Initiative 2).*

- Hỗ trợ doanh nghiệp bước đầu: Ban hành các tiêu chí, đề án hỗ trợ doanh nghiệp, đặc biệt là doanh nghiệp nhỏ và vừa, chuyển đổi số và phát triển doanh nghiệp công nghệ số. Hoàn thành các nhiệm vụ trong Mục VI của Nghị quyết số 71/NQ-CP (trọng tâm: Hệ thống 2, Sáng kiến 8).

*Providing initial support to enterprises: Promulgate criteria and schemes to support enterprises, especially small and medium-sized enterprises, in digital transformation and the development of*

*digital technology enterprises. Complete tasks under Section VI of Resolution No. 71/NQ-CP (focus: System 2, Initiative 8).*

- Thiết lập khung hợp tác quốc tế: Xây dựng các đề án, chương trình ngoại giao công nghệ, thiết lập khuôn khổ đối tác. Hoàn thành các nhiệm vụ trong Mục VII của Nghị quyết số 71/NQ-CP.

*Establishing a framework for international cooperation: Develop schemes and programs for technology diplomacy and establish partnership frameworks. Complete tasks under Section VII of Resolution No. 71/NQ-CP.*

- Khởi động Hệ thống dự án đặc biệt quan trọng (Hệ thống 6), trong đó ưu tiên triển khai ngay một số sáng kiến đột phá như: AI quốc gia, chuyển đổi số ngành Y tế, Giáo dục...

*Launching the system of especially important projects (System 6), with priority given to the immediate implementation of a number of breakthrough initiatives such as the national AI program and digital transformation in the health and education sectors.*

- Xây dựng hệ thống giám sát, đánh giá tự động, chấm điểm KPI các hoạt động, giao dịch phát sinh trong hoạt động sinh hoạt, tham gia thủ tục hành chính để đánh giá người dân, doanh nghiệp, cán bộ, công chức, kết quả sản phẩm.

*Building an automated monitoring and evaluation system, including KPI-based scoring of activities and transactions arising from daily operations and participation in administrative procedures, to assess citizens, enterprises, officials and civil servants, and product outcomes.*

- Hoàn thành việc sửa đổi, bổ sung ban hành mới các văn bản quy phạm pháp luật bảo đảm cơ sở pháp lý đồng bộ cho hoạt động của bộ máy nhà nước theo mô hình chính quyền 3 cấp, tạo điều kiện cho phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo.

*Completing the revision, supplementation, and promulgation of new legal normative documents to ensure a coherent legal basis for the operation of the state apparatus under the three-tier government model, thereby creating favorable conditions for the development of science, technology, and innovation.*

## **2. Giai đoạn 2028 - 2030: Tăng tốc, mở rộng, đạt mục tiêu đến năm 2030 (*Period 2028–2030: Accelerating, expanding, and achieving the 2030 targets*)**

Giai đoạn này tập trung triển khai diện rộng, hoàn thiện các hệ thống và ứng dụng sâu rộng các thành tựu khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số vào mọi mặt đời sống kinh tế - xã hội, hướng tới đạt được các mục tiêu cụ thể đến năm 2030, trọng tâm là:

*This period focuses on large-scale implementation, the completion of systems, and the extensive application of achievements in science, technology, innovation, and digital transformation across all aspects of socio-economic life, with a view to attaining the specific targets set for 2030. Key priorities include:*

- Thực thi và hoàn thiện thể chế: Triển khai hiệu quả các luật, chính sách đã ban hành; tiếp tục rà soát, điều chỉnh thể chế dựa trên thực tiễn (trọng tâm: Hệ thống 1).

*Implementing and refining the institutional framework: Effectively enforce the promulgated laws and policies; continue reviewing and adjusting institutions based on practical realities (focus: System 1).*

- Hiện đại hoá hạ tầng toàn diện: Phủ sóng 5G, 6G toàn quốc, vận hành hiệu quả các Trung tâm dữ liệu quốc gia, kết nối và chia sẻ dữ liệu thông suốt, hình thành hạ tầng IoT rộng khắp; đạt các chỉ tiêu về hạ tầng số (trọng tâm: Hệ thống 4).

*Comprehensively modernizing infrastructure: Achieve nationwide coverage of 5G and 6G; ensure the effective operation of national data centers; enable seamless data connectivity and sharing; establish pervasive IoT infrastructure; and meet digital infrastructure targets (focus: System 4).*

- Phát triển mạnh mẽ công nghiệp tự chủ: Đạt các mục tiêu về tỉ trọng kinh tế số, TFP, xuất khẩu công nghệ cao. Hình thành các doanh nghiệp công nghệ số mạnh. Có sản phẩm cụ thể từ các công nghệ chiến lược như bán dẫn, trí tuệ nhân tạo (trọng tâm: Hệ thống 2, Sáng kiến 4, Sáng kiến 6, Sáng kiến 8).

*Strongly developing an autonomous industrial base: Achieve targets for the share of the digital economy, TFP contribution, and high-tech exports; form strong digital technology enterprises; and deliver concrete products from strategic technologies such as semiconductors and artificial intelligence (focus: System 2; Initiatives 4, 6, and 8).*

- Đột phá về năng lực khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo: Đạt các mục tiêu về đầu tư R&D, nhân lực R&D, xếp hạng GII, số lượng tổ chức khoa học và công nghệ quốc tế, công bố quốc tế, sáng chế. Phát triển mạnh mẽ hệ sinh thái đổi mới sáng tạo (trọng tâm: Hệ thống 5, Sáng kiến 7, Sáng kiến 21, Sáng kiến 23, Sáng kiến 24, Sáng kiến 26).

*Making breakthroughs in science, technology, and innovation capacity: Achieve targets for R&D investment and R&D human resources; improve rankings in the Global Innovation Index (GII); increase the number of international science and technology organizations, international publications, and patents; and robustly develop the innovation ecosystem (focus: System 5; Initiatives 7, 21, 23, 24, and 26).*

- Hoàn thiện Chính phủ số và xã hội số: Đạt các mục tiêu về EGDI, dịch vụ công trực tuyến, thanh toán không tiền mặt, HDI, kỹ năng số, công dân số; phát triển đô thị thông minh (trọng tâm: Hệ thống 1, Hệ thống 3, Sáng kiến 2, Sáng kiến 10, Sáng kiến 11, Sáng kiến 14, Sáng kiến 15).

*Completing digital government and the digital society: Achieve targets related to the E-Government Development Index (EGDI), online public services, cashless payments, the*

*Human Development Index (HDI), digital skills, and digital citizenship; and develop smart cities (focus: Systems 1 and 3; Initiatives 2, 10, 11, 14, and 15).*

- Nâng cao năng lực an ninh - quốc phòng: Đạt mục tiêu về xếp hạng an toàn thông tin mạng, làm chủ công nghệ lưỡng dụng, tự động hóa chỉ huy (trọng tâm: Hệ thống 1, Sáng kiến 3, Sáng kiến 9).

*Enhancing security and defense capacity: Achieve targets for cybersecurity and information security rankings; master dual-use technologies; and automate command and control (focus: System 1; Initiatives 3 and 9).*

- Hoàn thành các Dự án đặc biệt quan trọng (Hệ thống 6) và các Sáng kiến đột phá giai đoạn 1: Đạt được các sản phẩm, kết quả cụ thể, tạo hiệu ứng lan tỏa mạnh mẽ.

*Completing especially important projects (System 6) and Phase I breakthrough initiatives: Deliver concrete products and outcomes, generating strong spillover effects.*

- Mở rộng và làm sâu sắc hợp tác quốc tế: Thu hút đầu tư R&D, tham gia sâu vào chuỗi giá trị toàn cầu, góp phần định hình các tiêu chuẩn và luật quốc tế.

*Expanding and deepening international cooperation: Attract R&D investment, integrate deeply into global value chains, and contribute to shaping international standards and legal frameworks.*

- Đẩy mạnh đào tạo, phát triển mạnh mẽ, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ khoa học, công nghệ, đặc biệt trong lĩnh vực công nghệ chiến lược (trọng tâm: Hệ thống 5, Sáng kiến 22).

*Intensifying training and developing a high-quality science and technology workforce: Strengthen capacity-building and improve the quality of scientific and technological personnel, particularly in strategic technology fields (focus: System 5; Initiative 22).*

### **3. Giai đoạn 2031 - 2045: Phát triển nhanh, bền vững, hội nhập sâu rộng (*Period 2031–2045: Rapid, sustainable development and deep integration*)**

Trên cơ sở tổng kết, rút kinh nghiệm quá trình triển khai ở các giai đoạn trước, Ban Chỉ đạo Trung ương sẽ tổ chức đánh giá toàn diện kết quả thực hiện, làm căn cứ để điều chỉnh, cập nhật kế hoạch hành động, xác định lộ trình và các nhiệm vụ trọng tâm cho giai đoạn tiếp theo, phù hợp với tình hình mới và yêu cầu phát triển của đất nước.

*Based on a comprehensive review and lessons learned from implementation in the preceding phases, the Central Steering Committee shall conduct an overall evaluation of implementation results as a basis for adjusting and updating the Action Plan, and for defining the roadmap and key tasks for the subsequent period, in line with the new context and the country's development requirements.*

## **V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN (*ORGANIZATION OF IMPLEMENTATION*)**

Việc tổ chức thực hiện Kế hoạch hành động chiến lược cần bảo đảm tính hệ thống, đồng bộ, hiệu quả; xây dựng kế hoạch triển khai chi tiết theo từng giai đoạn với các mục tiêu, nhiệm vụ, sản phẩm và mốc thời gian cụ thể; áp dụng các phương pháp quản lý dự án hiện đại, bao gồm cả việc đánh giá và quản lý rủi ro (sử dụng các công cụ như ma trận xác suất - tác động). Sau khi Kế hoạch hành động chiến lược được phê duyệt, các hướng dẫn triển khai chi tiết sẽ được ban hành.

*The organization of implementation of the Strategic Action Plan shall ensure a systemic, coherent, and effective approach; detailed implementation plans shall be developed for each phase with specific objectives, tasks, deliverables, and timelines; and modern project management methods shall be applied, including risk assessment and risk management (using tools such as probability–impact matrices). After the Strategic Action Plan is approved, detailed implementation guidelines shall be issued.*

## **1. Công tác chỉ đạo chiến lược, theo dõi đôn đốc đánh giá và tháo gỡ điểm nghẽn về thể chế (Strategic leadership, monitoring, supervision, evaluation, and removal of institutional bottlenecks)**

### **a) Trách nhiệm của Thường trực Ban Chỉ đạo Trung ương (Responsibilities of the Standing Committee of the Central Steering Committee)**

- Chỉ đạo, định hướng, phê duyệt và tháo gỡ kịp thời các rào cản cho việc triển khai và điều chỉnh Kế hoạch hành động chiến lược khi cần thiết.

*Provide direction, orientation, approval, and timely removal of barriers to the implementation of, and adjustments to, the Strategic Action Plan when necessary.*

- Xem xét, chỉ đạo xây dựng các cơ chế, chính sách đặc thù, đột phá do các cơ quan chủ quản hệ thống, chương trình, dự án đề xuất theo phân cấp quản lý.

*Review and direct the formulation of special and breakthrough mechanisms and policies proposed by agencies in charge of systems, programs, and projects in accordance with the decentralization framework.*

- Xem xét, chỉ đạo giải quyết các vấn đề liên ngành, liên lĩnh vực, các khó khăn, vướng mắc của các cơ quan, tổ chức theo Quy chế làm việc của Ban Chỉ đạo Trung ương trong quá trình triển khai 6 Hệ thống chiến lược.

*Review and direct the resolution of inter-sectoral and cross-disciplinary issues, as well as difficulties and obstacles faced by agencies and organizations, in accordance with the Working Regulations of the Central Steering Committee during the implementation of the six Strategic Systems.*

- Chỉ đạo giám sát, đánh giá kết quả tổng thể việc thực hiện Kế hoạch hành động chiến lược dựa trên Hệ thống Chỉ tiêu (KPIs) chiến lược.

*Direct the monitoring and evaluation of overall implementation results of the Strategic Action Plan based on the Strategic Indicator System (KPIs).*

- Chỉ đạo công tác thanh tra, kiểm tra tiến độ và chất lượng các công trình trong quá trình thực hiện Kế hoạch hành động chiến lược.

*Direct inspection and examination of the progress and quality of works during the implementation of the Strategic Action Plan.*

- Cho ý kiến về việc xác định tiêu chí, quy chế quản lý, chế độ làm việc, đãi ngộ và quy trình tuyển dụng Tổng công trình sư, Kiến trúc sư trưởng; quy trình thủ tục xét chọn sáng kiến dự án nêu trong kế hoạch này trước khi Chính phủ hoặc Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định.

*Provide opinions on the determination of criteria, management regulations, working regimes, remuneration policies, and recruitment procedures for Chief Engineers and Chief Architects; and on the procedures for the selection and appraisal of project initiatives set out in this Plan, prior to consideration and decision by the Government or the Prime Minister.*

**b) Trách nhiệm của thành viên Ban Chỉ đạo Trung ương (*Responsibilities of members of the Central Steering Committee*)**

- Chủ động đề xuất, kiến nghị với Ban Chỉ đạo Trung ương về các chủ trương, giải pháp, sáng kiến đột phá, dự án gắn với lĩnh vực, địa bàn được phân công trực tiếp phụ trách, quản lý; bảo đảm các sáng kiến đột phá, dự án phù hợp với Kế hoạch hành động chiến lược và được tích hợp trong hệ thống theo dõi, báo cáo của Nghị quyết số 57-NQ/TW.

*Proactively propose and submit recommendations to the Central Steering Committee on guidelines, solutions, breakthrough initiatives, and projects associated with the sectors and localities directly assigned for their charge and management; ensure that such breakthrough initiatives and projects are consistent with the Strategic Action Plan and are integrated into the monitoring and reporting system of Resolution No. 57-NQ/TW.*

- Chịu trách nhiệm đôn đốc, chỉ đạo, tổ chức thực hiện các nhiệm vụ theo phân công của Trưởng Ban Chỉ đạo.

*Assume responsibility for urging, directing, and organizing the implementation of tasks as assigned by the Head of the Steering Committee.*

- Chỉ đạo tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc thuộc thẩm quyền theo đề xuất của các cơ quan chủ quản hệ thống, sáng kiến, chương trình, dự án thuộc phạm vi được phân công phụ trách; đồng thời, đề xuất Thường trực Ban Chỉ đạo Trung ương hoặc Trưởng Ban Chỉ đạo xem xét, giải quyết các vấn đề vượt thẩm quyền.

*Direct the removal of difficulties and obstacles within their competence based on proposals from agencies in charge of systems, initiatives, programs, and projects under their assigned scope; concurrently propose that the Standing Committee of the Central Steering Committee or the Head of the Steering Committee consider and resolve issues beyond their authority.*

- Chỉ đạo các cơ quan chủ quản hệ thống, sáng kiến, chương trình, dự án thuộc phạm vi được phân công phụ trách báo cáo định kỳ hoặc đột xuất; chỉ đạo công tác thanh tra, kiểm tra tiến độ, chất lượng công trình trong Kế hoạch hành động chiến lược để Thường trực Ban Chỉ đạo Trung ương xem xét, phê duyệt.

*Direct agencies in charge of systems, initiatives, programs, and projects under their assigned scope to submit periodic or ad hoc reports; and direct inspection and examination of the progress and quality of works under the Strategic Action Plan for submission to the Standing Committee of the Central Steering Committee for review and approval.*

**c) Trách nhiệm của Cơ quan Thường trực và Tổ Giúp việc Ban Chỉ đạo Trung ương**  
***(Responsibilities of the Standing Agency and the Support Team of the Central Steering Committee)***

- Tổ chức thực hiện các hoạt động của Ban Chỉ đạo Trung ương; tiếp nhận báo cáo định kỳ, yêu cầu báo cáo đột xuất; tổ chức đánh giá, tổng hợp và xây dựng các báo cáo tổng kết hằng quý, hằng năm của Ban Chỉ đạo; hỗ trợ các cơ quan chủ quản hệ thống, sáng kiến, chương trình, dự án theo phân cấp quản lý trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao.

*Organize the implementation of activities of the Central Steering Committee; receive periodic reports and request ad hoc reports; conduct evaluations, synthesize information, and prepare quarterly and annual summary reports of the Steering Committee; and support agencies in charge of systems, initiatives, programs, and projects, in accordance with the decentralization framework, during the performance of assigned tasks.*

- Tiếp nhận những đề xuất, sáng kiến định hướng trong các hệ thống trọng yếu nêu tại Kế hoạch này từ các bộ, ngành, địa phương, cơ quan tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân; đề nghị các cơ quan chức năng xem xét đánh giá, báo cáo Thường trực Ban Chỉ đạo Trung ương xem xét, quyết định; theo dõi giám sát quá trình triển khai.

*Receive proposals and orientation-based initiatives within the key systems set out in this Plan from ministries, sectors, localities, agencies, organizations, enterprises, and individuals; request competent authorities to review and evaluate such proposals; report to the Standing Committee of the Central Steering Committee for consideration and decision; and monitor and supervise the implementation process.*

- Hướng dẫn, cụ thể hoá, điều chỉnh linh hoạt các chỉ tiêu, nhiệm vụ theo Kế hoạch này và cập nhật trên Hệ thống giám sát, đánh giá việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW, tại địa chỉ <https://nq57.vn>.

*Provide guidance, specify, and flexibly adjust indicators and tasks under this Plan and update them on the monitoring and evaluation system for the implementation of Resolution No. 57-NQ/TW at <https://nq57.vn>.*

- Tổ Giúp việc Ban Chỉ đạo có trách nhiệm hỗ trợ Cơ quan Thường trực Ban Chỉ đạo, Thường trực Ban Chỉ đạo trong việc thực hiện các vấn đề chuyên môn liên quan đến Kế hoạch này.

*The Support Team of the Steering Committee shall be responsible for assisting the Standing Agency of the Steering Committee and the Standing Committee of the Steering Committee in handling professional and technical matters related to this Plan.*

- Tổ Giúp việc Ban Chỉ đạo có trách nhiệm trình lãnh đạo Ban Chỉ đạo phê duyệt danh sách Tổng công trình sư, quy chế làm việc, chế độ đãi ngộ đối với Tổng công trình sư và đội ngũ giúp việc.

*The Support Team of the Steering Committee shall be responsible for submitting to the leadership of the Steering Committee for approval the list of Chief Engineers, the working regulations, and the remuneration regimes applicable to Chief Engineers and their supporting teams.*

**d) Trách nhiệm của Hội đồng Tư vấn quốc gia (*Responsibilities of the National Advisory Council*)**

- Các Ủy viên Hội đồng Tư vấn quốc gia có trách nhiệm tư vấn cho Ban Chỉ đạo Trung ương về chiến lược, lập kế hoạch, phương thức triển khai và nội dung thực hiện Kế hoạch hành động chiến lược.

*Members of the National Advisory Council shall be responsible for advising the Central Steering Committee on strategy, planning, implementation modalities, and substantive contents of the Strategic Action Plan.*

- Các Ủy viên Hội đồng Tư vấn quốc gia có quyền đề xuất các sáng kiến, giải pháp nhằm thực hiện hiệu quả Kế hoạch hành động chiến lược; được tham gia các cuộc họp của Ban Chỉ đạo Trung ương khi có yêu cầu; được Cơ quan Thường trực Ban Chỉ đạo Trung ương cung cấp đầy đủ thông tin, tài liệu liên quan đến nhiệm vụ được giao.

*Members of the National Advisory Council shall have the right to propose initiatives and solutions for the effective implementation of the Strategic Action Plan; to participate in meetings of the Central Steering Committee upon request; and to be provided by the Standing Agency of the Central Steering Committee with full information and documentation relevant to their assigned tasks.*

- Các Ủy viên Hội đồng Tư vấn quốc gia có trách nhiệm bảo mật thông tin trong quá trình tham gia hoạt động; đồng thời, được cử tham gia tư vấn, hỗ trợ chuyên môn cho các hệ thống, sáng kiến, chương trình, dự án khi có yêu cầu; tham gia xây dựng, soạn thảo các báo cáo chuyên môn phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành của Ban Chỉ đạo Trung ương.

*Members of the National Advisory Council shall be responsible for maintaining information confidentiality during their participation; concurrently, they may be assigned to provide consultancy and professional support to systems, initiatives, programs, and projects upon*

*request; and to participate in the development and drafting of professional reports serving the leadership and management of the Central Steering Committee.*

## **2. Trách nhiệm của các đảng ủy trực thuộc Trung ương và các ban chỉ đạo (*Responsibilities of Party Committees directly under the Central Committee and Steering Committees*)**

- Đảng ủy các cơ quan Đảng Trung ương lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch hành động chiến lược. Định kỳ ngày 25 hằng tháng hoặc đột xuất báo cáo Ban Chỉ đạo Trung ương.

*Party Committees of central Party agencies shall lead and direct the organization of implementation of the Strategic Action Plan, and shall submit periodic reports to the Central Steering Committee on the 25th of each month or ad hoc reports as required.*

- Đảng ủy Quốc hội có trách nhiệm lãnh đạo, chỉ đạo việc thực hiện Kế hoạch hành động chiến lược, phát huy tối đa vai trò trên các phương diện: Rà soát và hoàn thiện hệ thống pháp luật; quyết định nguồn lực thực hiện theo thẩm quyền; tăng cường giám sát tối cao và phối hợp đồng bộ, tạo đồng thuận xã hội. Định kỳ ngày 25 hằng tháng hoặc đột xuất báo cáo Ban Chỉ đạo Trung ương.

*The Party Committee of the National Assembly shall be responsible for leading and directing the implementation of the Strategic Action Plan, maximizing its role in: reviewing and improving the legal system; deciding on the allocation of resources within its competence; strengthening supreme oversight; and ensuring coordinated actions to build social consensus. Periodic or ad hoc reports shall be submitted to the Central Steering Committee on the 25th of each month.*

- Đảng ủy Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể Trung ương lãnh đạo, chỉ đạo việc xây dựng văn hóa sáng tạo và đổi mới, hình thành hệ thống giá trị mới, tinh thần yêu khoa học, dám nghĩ, dám làm, tôn vinh tinh thần cống hiến, thúc đẩy phong trào đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong toàn xã hội. Định kỳ ngày 25 hằng tháng hoặc đột xuất báo cáo Ban Chỉ đạo Trung ương.

*Party Committees of the Viet Nam Fatherland Front and central mass organizations shall lead and direct the building of a culture of creativity and innovation, the formation of new value systems, the promotion of a spirit of love for science and of daring to think and act, the honoring of dedication, and the promotion of innovation and digital transformation movements throughout society. Periodic or ad hoc reports shall be submitted to the Central Steering Committee on the 25th of each month.*

- Đảng ủy Chính phủ lãnh đạo, chỉ đạo Chính phủ, các đảng bộ trực thuộc thực hiện Kế hoạch hành động chiến lược, thường xuyên theo dõi, đánh giá tình hình thực hiện, định kỳ ngày 25 hằng tháng hoặc đột xuất báo cáo Ban Chỉ đạo Trung ương.

*The Party Committee of the Government shall lead and direct the Government and its affiliated Party committees in implementing the Strategic Action Plan, regularly monitor and evaluate implementation, and submit periodic or ad hoc reports to the Central Steering Committee on the 25th of each month.*

- Ban Chỉ đạo thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW của Chính phủ lãnh đạo, chỉ đạo, phân công các bộ, ngành, địa phương tổ chức triển khai thực hiện chỉ đạo của Ban Chỉ đạo Trung ương; xây dựng các dự án, nhiệm vụ theo định hướng về các Hệ thống chiến lược thuộc Kế hoạch hành động chiến lược; phân công các bộ, ngành, địa phương xây dựng, xin ý kiến của Ban Chỉ đạo Trung ương, và trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ phê duyệt các Dự án đặc biệt quan trọng theo thẩm quyền. Đồng thời, đảng ủy các cấp có trách nhiệm chỉ đạo việc giám sát thường xuyên quá trình thực hiện Kế hoạch hành động chiến lược tại cơ quan, địa phương, đơn vị; kịp thời phát hiện, thay thế các cán bộ lãnh đạo, quản lý yếu kém, thiếu tầm nhìn, thiếu trách nhiệm hoặc không có tinh thần đổi mới, sáng tạo, nhằm bảo đảm hiệu lực lãnh đạo và hiệu quả triển khai theo đúng yêu cầu của Nghị quyết số 57-NQ/TW. Định kỳ ngày 25 hằng tháng hoặc đột xuất báo cáo Ban Chỉ đạo Trung ương.

*The Government Steering Committee for the implementation of Resolution No. 57-NQ/TW shall lead and direct, and assign ministries, sectors, and localities to organize the implementation of directives of the Central Steering Committee; formulate projects and tasks in line with the orientation of the Strategic Systems under the Strategic Action Plan; assign ministries, sectors, and localities to prepare, seek opinions from the Central Steering Committee, and submit to the Government and the Prime Minister for approval, within their competence, the Especially Important Projects. Concurrently, Party committees at all levels shall be responsible for directing the regular supervision of the implementation of the Strategic Action Plan within their agencies, localities, and units; promptly detecting and replacing weak leaders and managers who lack vision, responsibility, or an innovative and creative spirit, in order to ensure leadership effectiveness and implementation efficiency in accordance with the requirements of Resolution No. 57-NQ/TW. Periodic or ad hoc reports shall be submitted to the Central Steering Committee on the 25th of each month.*

- Quân ủy Trung ương, Đảng ủy Công an Trung ương, các tỉnh ủy, thành ủy, Ban Chỉ đạo thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW cấp tỉnh có trách nhiệm tổ chức bộ máy giúp việc, Hội đồng tư vấn, giới thiệu hoặc quyết định việc lựa chọn Tổng công trình sư, Kiến trúc sư trưởng theo phân cấp quản lý; lãnh đạo, chỉ đạo cập nhật Kế hoạch hành động và xây dựng các nhiệm vụ, dự án phù hợp với điều kiện thực tiễn cơ quan, địa phương; định kỳ ngày 25 hằng tháng hoặc đột xuất báo cáo Ban Chỉ đạo Trung ương.

*The Central Military Commission, the Central Public Security Party Committee, provincial Party Committees, municipal Party Committees, and provincial-level Steering Committees for the implementation of Resolution No. 57-NQ/TW shall be responsible for organizing supporting apparatuses and advisory councils, and for proposing or deciding on the selection of Chief Engineers and Chief Architects in accordance with the decentralization framework; leading and directing the updating of the Action Plan and the formulation of tasks and projects suitable to the practical conditions of their agencies and localities; and submitting periodic or ad hoc reports to the Central Steering Committee on the 25th of each month.*

**PHỤ LỤC I (APPENDIX I)**  
**ĐỊNH HƯỚNG TRIỂN KHAI CÁC SÁNG KIẾN ĐỘT PHÁ**  
**(ORIENTATIONS FOR THE IMPLEMENTATION OF BREAKTHROUGH INITIATIVES)**  
(Kèm theo Kế hoạch số 01-KH/BCĐTW, ngày 02/6/2025 của Ban Chỉ đạo Trung ương)  
*((Attached to Plan No. 01-KH/BCĐTW dated June 2, 2025 of the Central Steering Committee))*

**I. TIÊU CHÍ LỰA CHỌN VÀ ƯU TIÊN SÁNG KIẾN ĐỘT PHÁ (CRITERIA FOR SELECTION AND PRIORITIZATION OF BREAKTHROUGH INITIATIVES)**

Việc lựa chọn, ưu tiên triển khai các Sáng kiến hiện có và xem xét, phê duyệt các Sáng kiến mới sẽ dựa trên các tiêu chí cơ bản sau:

*The selection and prioritization of the implementation of existing Initiatives, as well as the consideration and approval of new Initiatives, shall be based on the following fundamental criteria:*

- Mức độ phù hợp với chiến lược: Có đóng góp rõ ràng, trực tiếp vào việc thực hiện các mục tiêu, quan điểm chỉ đạo của Nghị quyết số 57-NQ/TW và các chiến lược phát triển quốc gia liên quan.

*Alignment with strategic objectives: Demonstrate clear and direct contributions to the achievement of the objectives and guiding viewpoints of Resolution No. 57-NQ/TW and other relevant national development strategies.*

- Tính đột phá và sáng tạo: Mang lại sự mới mẻ, khác biệt đáng kể về công nghệ, mô hình kinh doanh, phương thức quản lý hoặc chính sách, có tiềm năng tạo ra bước nhảy vọt.

*Breakthrough and innovative nature: Deliver significant novelty and differentiation in terms of technology, business models, management approaches, or policies, with the potential to create leapfrog advancements.*

- Tiềm năng tác động và lan tỏa: Có khả năng tạo ra tác động lớn, tích cực và lan tỏa rộng rãi đến kinh tế, xã hội, quốc phòng, an ninh hoặc giải quyết hiệu quả các vấn đề lớn, cấp bách của quốc gia.

*Impact and spillover potential: Possess the capacity to generate substantial, positive impacts and wide spillover effects on the economy, society, national defense, security, or to effectively address major and urgent national issues.*

- Tính khả thi: Có tính khả thi về mặt công nghệ, kỹ thuật, có thể huy động đủ nguồn lực (tài chính, nhân lực), đơn vị chủ trì có đủ năng lực triển khai và quản lý.

*Feasibility: Be technologically and technically feasible; able to mobilize sufficient resources (financial and human); and have a lead implementing entity with adequate capacity for implementation and management.*

- Tính cấp thiết và ưu tiên: Giải quyết các vấn đề đang là điểm nghẽn, thách thức lớn hoặc nằm trong các lĩnh vực ưu tiên hàng đầu cần tạo đột phá ngay.

***Urgency and prioritization:*** Address bottlenecks, major challenges, or belong to top-priority areas requiring immediate breakthroughs.

- Khả năng huy động nguồn lực xã hội hóa: Có tiềm năng thu hút sự tham gia đầu tư, đóng góp nguồn lực từ khu vực tư nhân, các tổ chức trong và ngoài nước.

***Capacity to mobilize socialized resources:*** Have the potential to attract investment and resource contributions from the private sector and domestic and international organizations.

## **II. KHUNG (TEMPLATE) ĐỀ XUẤT SÁNG KIẾN ĐỘT PHÁ (*FRAMEWORK (TEMPLATE) FOR PROPOSING BREAKTHROUGH INITIATIVES*)**

Đề bảo đảm tính thống nhất, đầy đủ thông tin và thuận lợi cho việc xem xét, thẩm định, các đề xuất Sáng kiến đột phá mới hoặc các đề xuất chi tiết hoá Sáng kiến đột phá trong danh mục ban đầu cần tuân thủ Khung cấu trúc sau:

***To ensure consistency, completeness of information, and convenience for review and appraisal, proposals for new Breakthrough Initiatives or proposals that further elaborate Breakthrough Initiatives in the initial list shall comply with the following structural framework:***

### **KHUNG ĐỀ XUẤT SÁNG KIẾN ĐỘT PHÁ (*FRAMEWORK FOR PROPOSING A BREAKTHROUGH INITIATIVE*)**

- Tên Sáng kiến đột phá: (Ngắn gọn, thể hiện rõ bản chất).

***Name of the Breakthrough Initiative:*** (Concise, clearly reflecting its essence).

- Đơn vị đề xuất/chủ trì dự kiến:

***Proposing / prospective lead implementing entity:***

- Đơn vị phối hợp chính:

***Main coordinating entities:***

- Sự cần thiết và cơ sở đề xuất: (Phân tích bối cảnh, vấn đề cần giải quyết, căn cứ pháp lý/chủ trương).

***Rationale and basis for the proposal:*** (Analysis of the context, issues to be addressed, and legal/policy grounds).

- Mục tiêu: (Nêu rõ mục tiêu tổng quát và các mục tiêu cụ thể theo tiêu chí SMART: Specific - Cụ thể, Measurable - Đo lường được, Achievable - Khả thi, Relevant - Liên quan, Time-bound - Có thời hạn).

***Objectives:*** (Clearly state the overall objective and specific objectives in accordance with the SMART criteria: Specific, Measurable, Achievable, Relevant, and Time-bound).

- Tính đột phá và sáng tạo: (Làm rõ yếu tố mới, khác biệt về công nghệ, mô hình, giải pháp so với hiện tại).

***Breakthrough and innovative elements:*** (Clarify novel and distinctive aspects in terms of technology, models, or solutions compared to the current situation).

- Phạm vi và nội dung thực hiện chính: (Mô tả các hợp phần, hoạt động cốt lõi).

***Scope and main implementation contents:*** (Describe core components and key activities).

- Sản phẩm/kết quả đầu ra dự kiến: (Các sản phẩm cụ thể: Công nghệ, quy trình, mô hình, chính sách, cơ sở dữ liệu, ứng dụng, sản phẩm thương mại hoá...).

***Expected outputs / deliverables:*** (Specific outputs such as technologies, processes, models, policies, databases, applications, commercialized products, etc.).

- Đóng góp vào hệ thống chiến lược và mục tiêu Nghị quyết số 57-NQ/TW: (Ánh xạ rõ Sáng kiến/Dự án đóng góp vào Hệ thống nào và các Mục tiêu/Chỉ tiêu cụ thể nào của Nghị quyết số 57-NQ/TW).

***Contribution to the Strategic Systems and objectives of Resolution No. 57-NQ/TW:*** (Clearly map how the Initiative/Project contributes to which System(s) and to which specific objectives/indicators of Resolution No. 57-NQ/TW).

- Kế hoạch và lộ trình thực hiện: (Các giai đoạn chính, thời gian dự kiến cho từng giai đoạn).

***Implementation plan and roadmap:*** (Main phases and estimated timelines for each phase).

- Dự kiến nguồn lực:

***(Estimated resources:)***

+ Tài chính: Tổng kinh phí dự kiến, cơ cấu nguồn (ngân sách nhà nước, xã hội hoá, khác), đề xuất cơ chế tài chính (nếu cần đặc thù).

***Financial:*** Total estimated budget, funding structure (state budget, socialized resources, others), and proposed financial mechanisms (if special arrangements are required).

+ Nhân lực: Nhu cầu nhân lực chủ chốt, chuyên gia cần thu hút.

***Human resources:*** Requirements for key personnel and experts to be attracted.

+ Hạ tầng, trang thiết bị: Nhu cầu (nếu có).

(cần đánh giá chi tiết về nguồn lực triển khai cho từng giai đoạn).

***Infrastructure and equipment:*** Requirements (if any).

(A detailed assessment of implementation resources for each phase is required.)

- Các chỉ số đo lường kết quả chính (KPIs): (Các chỉ số cụ thể để đo lường tiến độ và kết quả đạt được so với mục tiêu).

**Key performance indicators (KPIs):** *(Specific indicators to measure progress and results against the set objectives).*

- Rủi ro chính và giải pháp quản lý: (Nhận diện các rủi ro tiềm ẩn và đề xuất biện pháp phòng ngừa, ứng phó).

**Key risks and management solutions:** *(Identify potential risks and propose preventive and mitigation measures).*

- Kiến nghị cụ thể (nếu có): Về cơ chế, chính sách đặc thù... nhằm bảo đảm cho tính khả thi của việc triển khai sáng kiến.

**Specific recommendations (if any):** *Regarding special mechanisms or policies to ensure the feasibility of implementing the Initiative.*

### **III. DANH SÁCH ĐỊNH HƯỚNG CÁC SÁNG KIẾN ĐỘT PHÁ *(LIST OF ORIENTED BREAKTHROUGH INITIATIVES)***

#### **A- Nhóm sáng kiến đổi mới thể chế và quản trị quốc gia *(Group of initiatives on institutional innovation and national governance)***

1. Sáng kiến 1: Đổi mới mạnh mẽ thể chế, tháo gỡ triệt để mọi rào cản về cơ chế, chính sách nhằm mở đường cho phát triển bền vững, nhanh chóng và hiệu quả.

**Initiative 1:** *Strongly reform institutions and thoroughly remove all barriers in mechanisms and policies to pave the way for sustainable, rapid, and effective development*

- Mục tiêu: Rà soát, sửa đổi, bổ sung và xây dựng mới hệ thống pháp luật, chính sách một cách đồng bộ, tiên phong để kiến tạo phát triển, khuyến khích sáng tạo, tạo hành lang pháp lý cho những vấn đề mới, phi truyền thống và quản lý hiệu quả các mối quan hệ mới phát sinh trong kỷ nguyên số và Cách mạng công nghiệp 4.0.

**Objective:** *To comprehensively review, amend, supplement, and newly develop the legal and policy system in a synchronized and pioneering manner in order to foster development, encourage innovation, establish legal corridors for new and non-traditional issues, and effectively manage newly emerging relationships in the digital era and the Fourth Industrial Revolution.*

- Nội dung: Xây dựng Luật về Công nghiệp Công nghệ số, Giao dịch điện tử (sửa đổi), Bảo vệ dữ liệu cá nhân... và sửa đổi đồng bộ các Luật liên quan; triển khai các cơ chế thử nghiệm có kiểm soát (Sandbox); nghiên cứu và đề xuất các mô hình quản trị mới.

**Key contents:** *Formulation of the Law on Digital Technology Industry, amendments to the Law on Electronic Transactions, the Law on Personal Data Protection, and synchronized revision of*

*related laws; implementation of controlled pilot mechanisms (sandboxes); research and proposal of new governance models.*

2. Sáng kiến 2: Xây dựng mô hình quản trị quốc gia dựa trên nền tảng dữ liệu thống nhất, các dịch vụ số và trí tuệ nhân tạo, nhằm cắt giảm tối đa chi phí hành chính, cải thiện môi trường kinh doanh và nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia

*Initiative 2: Developing a national governance model based on a unified data platform, digital services, and artificial intelligence to minimize administrative costs, improve the business environment, and enhance national competitiveness*

- Mục tiêu: Hiện đại hoá nền hành chính quốc gia, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước và chất lượng dịch vụ công thông qua việc ứng dụng mạnh mẽ dữ liệu số, dịch vụ số và trí tuệ nhân tạo, góp phần cắt giảm chi phí tuân thủ, cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao sự hài lòng của người dân và doanh nghiệp.

**Objective:** *To modernize the national administration, enhance the effectiveness and efficiency of state management, and improve the quality of public services through the extensive application of digital data, digital services, and artificial intelligence, thereby reducing compliance costs, improving the business environment, and increasing satisfaction among citizens and enterprises.*

- Nội dung: Hoàn thiện thể chế, chính sách về quản trị dữ liệu và cung cấp dịch vụ số; phát triển các nền tảng phân tích dữ liệu lớn, ứng dụng AI hỗ trợ ra quyết định và tự động hoá quy trình nghiệp vụ; tối ưu hoá, cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình, chủ động, lấy người dùng làm trung tâm; đẩy mạnh thanh toán điện tử; chi trả thông qua 100% tài khoản an sinh xã hội cho người dân chính xác, nhanh chóng, kịp thời; triển khai nền tảng số, dịch vụ số bảo đảm xác thực và ứng dụng trí tuệ nhân tạo cho các sản phẩm dịch vụ, nhà đất, nhà ở xã hội...

**Key contents:** *Improving institutions and policies on data governance and digital service provision; developing big data analytics platforms and AI applications to support decision-making and automate business processes; optimizing and providing end-to-end, proactive, user-centric online public services; promoting electronic payments; ensuring accurate, rapid, and timely disbursement through 100% of citizens' social security accounts; deploying digital platforms and services with secure authentication and AI applications for job exchange platforms, real estate and housing transactions, including social housing.*

- Tăng cường giám sát, đánh giá dựa trên dữ liệu: Đào tạo, nâng cao năng lực số cho cán bộ, công chức.

**Strengthening data-driven monitoring and evaluation:** *Training and enhancing digital capacity for officials and civil servants.*

3. Sáng kiến 3: Đẩy mạnh nghiên cứu, phát triển, ứng dụng công nghệ an ninh, quốc phòng dựa trên các nền tảng trí tuệ nhân tạo và người máy (robot), công nghệ tích hợp giám sát hiện trường thời gian thực nhằm chủ động bảo đảm an toàn, an ninh quốc gia trong tình hình mới

*Initiative 3: Promoting research, development, and application of security and defense technologies based on artificial intelligence and robotics platforms, and integrated real-time field surveillance technologies to proactively ensure national safety and security in the new context*

- Mục tiêu: Tăng cường ứng dụng AI, Robotics, UAV và các công nghệ tính toán tiên tiến để nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước, cung cấp dịch vụ công thông minh và hiện đại hoá năng lực quốc phòng, an ninh.

*Objective: To strengthen the application of AI, robotics, UAVs, and advanced computing technologies to improve the effectiveness of state management, provide intelligent public services, and modernize national defense and security capabilities.*

- Nội dung: Phát triển hệ thống AI giám sát và phân tích dữ liệu hành chính - an ninh, trong đó tập trung phát triển nền tảng AI xử lý dữ liệu lớn phục vụ cảnh báo sớm về tội phạm, gian lận, thiên tai; xây dựng cơ sở dữ liệu huấn luyện AI cho quốc phòng - hành chính công; phát triển UAV tuần tra, quan sát tự động tại biên giới, vùng biển đảo, khu đô thị; phát triển robot phục vụ cứu hộ, hỗ trợ trong môi trường độc hại, hỗ trợ hành chính tại cơ quan nhà nước... Hợp tác xây dựng, dùng chung Hệ thống tính toán hiệu năng cao (High performance computing) giữa cơ quan nhà nước, viện trường, doanh nghiệp.

*Key contents: Developing AI systems for surveillance and analysis of administrative and security data, focusing on AI platforms for big data processing to support early warning of crime, fraud, and natural disasters; building AI training datasets for national defense and public administration; developing UAVs for autonomous patrol and surveillance in border areas, maritime and island zones, and urban areas; developing robots for search and rescue, operations in hazardous environments, and administrative support in state agencies; jointly building and sharing high-performance computing (HPC) systems among state agencies, research institutes, universities, and enterprises.*

## **B. Nhóm sáng kiến phát triển công nghiệp, tự chủ về công nghệ (*Group of initiatives on industrial development and technological self-reliance*)**

4. Sáng kiến 4: Bán dẫn và vật liệu tiên tiến - Tập trung nghiên cứu thiết kế vi mạch chuyên dụng, đóng gói tiên tiến và kiểm thử trên nền tảng trí tuệ nhân tạo, kết hợp nghiên cứu phát triển vật liệu mới có tính năng vượt trội

*Initiative 4: Semiconductors and advanced materials – Focusing on research and design of specialized integrated circuits, advanced packaging and testing based on artificial intelligence, combined with R&D of new materials with superior performance.*

- Mục tiêu: Phát triển ngành công nghiệp bán dẫn (tập trung vào thiết kế, đóng gói, kiểm thử và một số công đoạn sản xuất) và làm chủ công nghệ một số vật liệu tiên tiến như bán dẫn thế hệ mới, vật liệu nano, vật liệu và cảm biến lượng tử, vật liệu thông minh phục vụ công nghiệp công nghệ cao và quốc phòng.

**Objective:** *To develop the semiconductor industry (focusing on design, packaging, testing, and selected manufacturing stages) and achieve mastery of technologies in advanced materials such as next-generation semiconductors, nanomaterials, quantum materials and sensors, and smart materials serving high-tech industries and national defense.*

- Nội dung: Thành lập Trung tâm R&D quốc gia về bán dẫn và vật liệu mới; xây dựng các khu công nghiệp hỗ trợ, các khu công nghệ thông tin tập trung để hình thành các cụm liên kết ngành, nhóm sản phẩm chuyên môn hoá, hiệu quả cao và theo lợi thế của các địa phương, vùng, địa bàn trọng điểm; triển khai các chương trình đào tạo nhân lực chuyên sâu; có chính sách ưu đãi đặc biệt; hợp tác quốc tế.

**Key contents:** *Establishment of a National R&D Center for Semiconductors and Advanced Materials; development of supporting industrial parks and concentrated IT zones to form industrial clusters and specialized product groups with high efficiency, aligned with the comparative advantages of localities, regions, and key areas; implementation of in-depth human resource training programs; provision of special incentive policies; promotion of international cooperation.*

5. Sáng kiến 5: Chương trình năng lượng quốc gia - Phát triển công nghệ lưu trữ năng lượng, tiết kiệm năng lượng, đa dạng hoá các nguồn cung năng lượng, ưu tiên các nguồn năng lượng tái tạo, xây dựng các mạng lưới điện thông minh, hệ thống bảo đảm an toàn, an ninh mạng cho hệ thống năng lượng quốc gia, giảm phát thải carbon, bảo đảm an ninh năng lượng phục vụ phát triển công nghiệp

**Initiative 5: National Energy Program – Developing energy storage technologies, energy efficiency, diversifying energy supply sources, prioritizing renewable energy, building smart grids, and ensuring safety and cybersecurity for the national energy system, reducing carbon emissions, and ensuring energy security for industrial development**

- Mục tiêu: Phát triển mạnh mẽ năng lượng tái tạo (gió, mặt trời...), công nghệ lưu trữ và lưới điện thông minh, bảo đảm an ninh năng lượng cho phát triển công nghiệp và mục tiêu Net Zero.

**Objective:** *To strongly develop renewable energy (wind, solar, etc.), energy storage technologies, and smart grids, ensuring energy security for industrial development and achieving Net Zero targets.*

- Nội dung: Quy hoạch và đầu tư phát triển nguồn điện sạch; Nghiên cứu công nghệ lưu trữ (pin, hydro); hiện đại hóa lưới điện; Phát triển công nghệ lưu trữ năng lượng, ưu tiên các nguồn năng lượng tái tạo, giảm phát thải carbon, bảo đảm an ninh năng lượng, đặc biệt là năng lượng xanh

phục vụ phát triển công nghiệp. Phát triển lưới điện thông minh (Smart Grid) trở thành cầu phần hạ tầng trọng yếu, bảo đảm phân phối tối ưu và an toàn năng lượng trong bối cảnh đẩy mạnh năng lượng tái tạo và điện hạt nhân.

**Key contents:** *Planning and investment in clean power sources; research on storage technologies (batteries, hydrogen); modernization of power grids; development of energy storage technologies, prioritizing renewable energy sources, reducing carbon emissions, and ensuring energy security, particularly green energy for industrial development; development of smart grids as critical infrastructure components to ensure optimal and safe energy distribution in the context of expanding renewable energy and nuclear power.*

6. Sáng kiến 6: Nền tảng chia sẻ dữ liệu và trí tuệ nhân tạo quốc gia - Phát triển kiến trúc tích hợp dữ liệu tiết kiệm chi phí, xây dựng nền tảng chia sẻ dữ liệu và phát triển các mô hình trí tuệ nhân tạo hỗ trợ Tiếng Việt

**Initiative 6:** *National Data Sharing and Artificial Intelligence Platform – Developing cost-efficient integrated data architecture, building data-sharing platforms, and developing artificial intelligence models supporting the Vietnamese language*

- Mục tiêu: Xây dựng các nền tảng AI dùng chung (đặc biệt là AI tạo sinh, xử lý ngôn ngữ tự nhiên Tiếng Việt), thúc đẩy ứng dụng AI trong mọi lĩnh vực (kinh tế, xã hội, quản trị, an ninh), đồng thời phổ cập kiến thức và kỹ năng AI cơ bản cho người dân.

**Objective:** *To build shared AI platforms (especially generative AI and Vietnamese natural language processing), promote AI applications across all sectors (economic, social, governance, security), and disseminate basic AI knowledge and skills among the population.*

- Nội dung: Xây dựng hạ tầng dữ liệu chất lượng cao xuyên ngành, kiến trúc và tiêu chuẩn chất lượng dữ liệu quốc gia. Xây dựng nền tảng AI Tiếng Việt mã nguồn mở, kho dữ liệu lớn; triển khai các dự án ứng dụng AI trọng điểm; chương trình đào tạo và phổ cập AI quốc gia.

**Key contents:** *Building high-quality, cross-sectoral data infrastructure, along with national data architecture and quality standards; developing open-source Vietnamese-language AI platforms and large-scale data repositories; implementing key AI application projects; launching national AI training and popularization programs.*

7. Sáng kiến 7: Hệ sinh thái Sở hữu trí tuệ và chuyển giao công nghệ - Tạo lập môi trường thuận lợi và cơ chế hiệu quả cho việc bảo hộ, khai thác, thương mại hoá tài sản trí tuệ và thúc đẩy mạnh mẽ hoạt động chuyển giao công nghệ giữa các viện nghiên cứu, trường và doanh nghiệp

**Initiative 7:** *Intellectual Property and Technology Transfer Ecosystem – Creating a favorable environment and effective mechanisms for the protection, exploitation, and commercialization of intellectual assets, and strongly promoting technology transfer between research institutes, universities, and enterprises*

- Mục tiêu: Tạo lập môi trường và cơ chế hiệu quả cho việc bảo hộ, khai thác, mua bán tài sản trí tuệ và thúc đẩy chuyển giao công nghệ giữa viện/trường và doanh nghiệp, phát triển thương hiệu quốc gia dựa trên khoa học và công nghệ.

**Objective:** *To establish an effective environment and mechanisms for the protection, exploitation, and trading of intellectual assets, and to promote technology transfer between research institutions/universities and enterprises, thereby developing national brands based on science and technology.*

- Nội dung: Hiện đại hoá hệ thống đăng ký và quản lý sở hữu trí tuệ; xây dựng sàn giao dịch công nghệ và sở hữu trí tuệ; phát triển các tổ chức trung gian (TTO); hoàn thiện chính sách về sở hữu trí tuệ và thương mại hoá; chương trình phát triển tài sản trí tuệ. Xây dựng Hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo, sở hữu trí tuệ và chuyển giao công nghệ.

**Key contents:** *Modernizing the intellectual property registration and management system; establishing technology and intellectual property exchanges; developing intermediary organizations (Technology Transfer Offices – TTOs); improving intellectual property and commercialization policies; implementing programs for intellectual asset development; building an innovation-driven startup ecosystem integrating intellectual property and technology transfer.*

8. Sáng kiến 8: Ứng dụng công nghệ số, trí tuệ nhân tạo và áp dụng mô hình sản xuất thông minh trong doanh nghiệp - Thúc đẩy các doanh nghiệp ứng dụng công nghệ mới để nâng cao năng suất, hiệu quả quản trị và khả năng cạnh tranh, phát triển thị trường nội địa cho sản phẩm công nghệ “Made in Vietnam”

**Initiative 8:** *Application of digital technologies, artificial intelligence, and smart manufacturing models in enterprises – Promoting enterprises’ adoption of new technologies to enhance productivity, governance efficiency, and competitiveness, and to develop the domestic market for “Make in Vietnam” technology products*

- Mục tiêu: Ứng dụng công nghệ số, trí tuệ nhân tạo cho doanh nghiệp, nâng cao năng suất, hiệu quả quản trị, năng lực cạnh tranh, tạo thị trường nội địa cho các sản phẩm, giải pháp công nghệ "Made in Vietnam".

**Objective:** *To apply digital technologies and artificial intelligence in enterprises in order to enhance productivity, management efficiency, and competitiveness, and to create a domestic market for “Made in Vietnam” technology products and solutions.*

- Nội dung: Đồng hành chuyển đổi số và ứng dụng AI cho doanh nghiệp; triển khai mô hình hỗ trợ linh hoạt, thực chiến trên nền tảng số, với vốn môi từ nhà nước và cơ chế bền vững, giúp mọi doanh nghiệp, đặc biệt là doanh nghiệp nhỏ và vừa, nhanh chóng tiếp cận, ứng dụng công cụ số và AI (từ cơ bản đến nâng cao), nâng cao năng suất, hiệu quả quản trị, năng lực cạnh tranh. Qua đó, tạo thị trường nội địa cho các sản phẩm, giải pháp công nghệ "Made in Vietnam" và hình thành nền tảng vững chắc cho công nghiệp tự chủ.

**Key contents:** *Accompanying enterprises in digital transformation and AI adoption; implementing flexible, hands-on support models on digital platforms, with seed funding from the State and sustainable mechanisms, enabling all enterprises—especially small and medium-sized enterprises—to rapidly access and apply digital and AI tools (from basic to advanced levels), thereby improving productivity, governance efficiency, and competitiveness. Through this process, a domestic market for “Made in Vietnam” technology products and solutions will be developed, forming a solid foundation for technological self-reliance.*

9. Sáng kiến 9: Chương trình công nghiệp quốc phòng và an ninh tự chủ, lưỡng dụng và hiện đại: Tập trung phát triển UAV, robot thông minh, vệ tinh cỡ nhỏ lưỡng dụng, chú trọng các công nghệ không gian, tiếp cận công nghệ thông tin lượng tử và cảm biến lượng tử ứng dụng trong truyền tin và thu thập dữ liệu có mức độ an toàn cao. Phát triển các sản phẩm lưỡng dụng, có khả năng chuyển giao cho dân dụng sau 5-10 năm, coi giá trị chuyển giao là tiêu chí đánh giá hiệu quả dự án

**Initiative 9: Autonomous, Dual-use, and Modern National Defense and Security Industry Program:** *Focusing on the development of UAVs, intelligent robots, dual-use small satellites; prioritizing space technologies; accessing quantum information technologies and quantum sensors applied in highly secure communications and data collection. Developing dual-use products with transferability to civilian applications after 5–10 years, considering transfer value as a criterion for project effectiveness evaluation.*

- Mục tiêu: Xây dựng và phát triển ngành công nghiệp quốc phòng và an ninh tự chủ, lưỡng dụng, hiện đại nhằm bảo đảm vững chắc an ninh quốc gia và đóng góp vào phát triển kinh tế.

**Objective:** *To build and develop an autonomous, dual-use, and modern national defense and security industry to firmly safeguard national security and contribute to economic development.*

- Nội dung: Tập trung nghiên cứu, phát triển và làm chủ các công nghệ lõi, công nghệ lưỡng dụng ưu tiên như mã hoá tiên tiến, phân tích dữ liệu lớn, giám sát thông minh, robot thông minh. Xây dựng cơ chế hợp tác đặc thù giữa quốc phòng, an ninh và các trường viện doanh nghiệp dân sự, khuyến khích hợp tác công - tư (PPP). Xây dựng và hoàn thiện hệ thống tiêu chuẩn, quy chuẩn quốc gia về sản phẩm công nghiệp quốc phòng, an ninh.

**Key contents:** *Focusing on research, development, and mastery of core and priority dual-use technologies such as advanced encryption, big data analytics, intelligent surveillance, and intelligent robotics. Establishing special cooperation mechanisms between defense, security forces, and civilian universities, research institutes, and enterprises; encouraging public–private partnerships (PPP). Developing national standards and technical regulations for defense and security industrial products.*

**C- Nhóm sáng kiến an sinh và phúc lợi xã hội (Group of social security and social welfare initiatives)**

10. Sáng kiến 10: Y tế thông minh - Phát triển hệ sinh thái y tế thông minh, bảo đảm mọi người dân đều được chăm sóc sức khỏe hiệu quả, kịp thời thông qua ứng dụng các công nghệ số, trí tuệ nhân tạo và dữ liệu lớn

**Initiative 10: Smart Healthcare**-*Developing a smart healthcare ecosystem to ensure all citizens receive effective and timely healthcare through the application of digital technologies, artificial intelligence, and big data.*

- Mục tiêu: Ứng dụng mạnh mẽ AI, dữ liệu lớn, công nghệ sinh học và khai thác tiềm năng được liệu Việt Nam để nâng cao năng lực phòng bệnh, chẩn đoán, điều trị (đặc biệt các bệnh hiểm nghèo), sản xuất dược phẩm và quản lý y tế, hướng tới chăm sóc sức khỏe toàn dân thông minh và hiệu quả.

**Objective:** *To strongly apply AI, big data, biotechnology, and leverage the potential of Vietnamese medicinal resources to enhance disease prevention, diagnosis, and treatment capacities (especially for serious diseases), pharmaceutical production, and healthcare management, toward intelligent and efficient universal healthcare.*

- Nội dung: Chương trình R&D ứng dụng AI và Gen trong y học; phát triển nền tảng y tế số quốc gia; chương trình nghiên cứu và phát triển sản phẩm từ dược liệu; hiện đại hoá ngành dược. Chương trình liên thông dữ liệu y tế từ bệnh viện, bảo hiểm, y học dự phòng trong hỗ trợ chẩn đoán - điều trị thông minh.

**Key contents:** *R&D programs applying AI and genomics in medicine; development of a national digital healthcare platform; research and development programs for medicinal products derived from medicinal herbs; modernization of the pharmaceutical industry. Establishing interoperable healthcare data programs linking hospitals, insurance systems, and preventive medicine to support intelligent diagnosis and treatment.*

11. Sáng kiến 11: Giáo dục thông minh - Xây dựng kho học liệu mở, đa phương tiện, phát triển hệ thống học tập mọi lúc, mọi nơi, hỗ trợ cá nhân hóa việc học dựa trên công nghệ trí tuệ nhân tạo

**Initiative 11: Smart Education** - *Building open, multimedia learning resource repositories and developing anytime-anywhere learning systems that support personalized learning based on artificial intelligence technologies.*

- Mục tiêu: Xây dựng hệ sinh thái giáo dục số mở, linh hoạt, chất lượng cao với nền tảng MOOC quốc gia, hệ thống khảo thí, thi trực tuyến tin cậy (ứng dụng xác thực qua VNeID) và các công nghệ EdTech tiên tiến, thúc đẩy học tập suốt đời và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực.

**Objective:** *To build an open, flexible, high-quality digital education ecosystem featuring a national MOOC platform, reliable online testing and examination systems (applying authentication via VNeID), and advanced EdTech technologies, promoting lifelong learning and improving the quality of human resources.*

- Nội dung: Phát triển nền tảng MOOC quốc gia liên kết với các trường đại học, doanh nghiệp và tổ chức đào tạo; xây dựng kho học liệu số dùng chung phong phú; khuyến khích phát triển các giải pháp EdTech (AI, VR/AR, STEM/STEAM...); xây dựng chuẩn và kiểm định chất lượng giáo dục số.

**Key contents:** *Developing a national MOOC platform linked with universities, enterprises, and training organizations; building a rich shared digital learning resource repository; encouraging the development of EdTech solutions (AI, VR/AR, STEM/STEAM, etc.); establishing standards and quality accreditation for digital education.*

12. Sáng kiến 12: Nông nghiệp bền vững và thông minh - Phát triển mô hình nông nghiệp hiện đại, ứng dụng công nghệ số và trí tuệ nhân tạo ứng phó hiệu quả với biến đổi khí hậu, bảo đảm an ninh lương thực và thu nhập bền vững cho nông dân

**Initiative 12: Sustainable and Smart Agriculture** *Developing modern agricultural models applying digital technologies and artificial intelligence to effectively respond to climate change, ensure food security, and secure sustainable incomes for farmers.*

- Mục tiêu: Ứng dụng khoa học và công nghệ và đổi mới sáng tạo để phát triển nền nông nghiệp Việt Nam theo hướng xanh, bền vững, giá trị gia tăng cao, nâng cao thu nhập nông dân và thích ứng hiệu quả với biến đổi khí hậu.

**Objective:** *To apply science, technology, and innovation to develop Vietnamese agriculture in a green, sustainable, and high value-added direction, increasing farmers' incomes and effectively adapting to climate change.*

- Nội dung: Nghiên cứu giống cây trồng, vật nuôi thích ứng; phát triển nền tảng quản lý canh tác thông minh, tưới tiêu tiết kiệm, cảnh báo sớm; chuyển đổi số trong chuỗi giá trị nông sản; phát triển nông nghiệp tuần hoàn, hữu cơ; công nghệ sau thu hoạch; công nghệ chế biến, đóng gói và thương mại điện tử quốc tế. Chuyển đổi số trong chuỗi giá trị nông sản; đổi mới, ứng dụng công nghệ số, trí tuệ nhân tạo trong xây dựng, hoàn thiện, xử lý, khai thác cơ sở dữ liệu nông nghiệp bền vững; phát triển công nghệ sinh học, công nghệ cao trong nghiên cứu, sản xuất thuốc, vắc xin, chủ động giám sát, cảnh báo, ứng phó dịch bệnh cây trồng, vật nuôi, phòng, chống kháng thuốc.

**Key contents:** *Research on climate-resilient crop varieties and livestock breeds; development of smart farming management platforms, water-saving irrigation, and early warning systems; digital transformation across agricultural value chains; development of circular and organic agriculture; post-harvest technologies; processing, packaging, and international e-commerce technologies. Digital transformation in agricultural value chains; application of digital technologies and AI in building, managing, exploiting sustainable agricultural databases; development of biotechnology and high technologies in research and production of medicines and vaccines; proactive monitoring, early warning, and response to crop and livestock diseases, including antimicrobial resistance prevention.*

13. Sáng kiến 13: Môi trường xanh và đô thị thông minh - Xây dựng mô hình đô thị xanh, thân thiện môi trường, phát triển hệ thống giám sát, quản lý môi trường thông minh, nâng cao năng lực dự báo và quản lý rủi ro thiên tai và biến đổi khí hậu thông minh bằng ứng dụng khoa học, công nghệ đặc biệt là công nghệ số và trí tuệ nhân tạo

**Initiative 13: Green Environment and Smart Cities***Building green, environmentally friendly urban models; developing intelligent environmental monitoring and management systems; enhancing smart forecasting and risk management capacities for natural disasters and climate change through the application of science and technology, particularly digital technologies and AI.*

- Mục tiêu: Ứng dụng công nghệ tiên tiến để giám sát, cảnh báo, xử lý ô nhiễm môi trường, quản lý tài nguyên hiệu quả và xây dựng các đô thị thông minh, xanh, đáng sống, có khả năng chống chịu.

**Objective:** *To apply advanced technologies to monitor, warn, and address environmental pollution; manage resources efficiently; and build smart, green, livable, and resilient cities.*

- Nội dung: Hệ thống quan trắc môi trường tự động, thông minh; công nghệ xử lý rác thải, nước thải tiên tiến; nền tảng quản lý đô thị thông minh (IOC); giải pháp giao thông xanh, năng lượng đô thị hiệu quả. Giải pháp liên thông dữ liệu môi trường - đô thị theo thời gian thực và dự báo ô nhiễm, tối ưu giao thông, năng lượng và quy hoạch không gian xanh.

**Key contents:** *Automatic and intelligent environmental monitoring systems; advanced waste and wastewater treatment technologies; smart urban management platforms (IOC); green transport solutions and efficient urban energy systems. Real-time data interoperability solutions between environmental and urban systems for pollution forecasting, traffic optimization, energy management, and green spatial planning.*

14. Sáng kiến 14: Phong trào "Bình dân học vụ số" - Phát động phong trào phổ cập kỹ năng số, bao gồm cả kỹ năng sử dụng trí tuệ nhân tạo (AI) cho người dân, đặc biệt là nhóm yếu thế, vùng sâu, vùng xa, bảo đảm không ai bị bỏ lại phía sau trong quá trình chuyển đổi số quốc gia

**Initiative 14: “Digital Mass Education” Movement***Launching a movement to universalize digital skills, including AI skills, for citizens—especially vulnerable groups and those in remote and disadvantaged areas—ensuring that no one is left behind in the national digital transformation process.*

- Mục tiêu: Toàn dân học và sử dụng các công nghệ số và trí tuệ nhân tạo (AI).

**Objective:** *Universal learning and use of digital technologies and artificial intelligence (AI) among the population.*

- Nội dung: Sử dụng các hệ thống học liệu mở và cách thức lan toả học - dạy lại tổ chức đào tạo cho mọi đối tượng trong xã hội về kỹ năng công nghệ số và trí tuệ nhân tạo (AI), chú trọng học qua hành. Xây dựng mạng lưới tình nguyện viên số, Tổ Công nghệ số cộng đồng, trung tâm học tập cộng đồng số và mô hình "mỗi người dạy một người".

**Key contents:** *Utilizing open learning resource systems and cascading “learn-and-teach-again” dissemination methods to organize training for all segments of society in digital and AI skills, emphasizing hands-on learning. Establishing networks of digital volunteers, Community Digital Technology Teams, digital community learning centers, and the “each person teaches one person” model.*

15. Sáng kiến 15: Phát triển con người Việt Nam hạnh phúc - kiến tạo một nền văn hóa mới sáng tạo, hạnh phúc, an toàn và giàu bản sắc dân tộc dựa trên môi trường sống văn minh nhờ tiến bộ của AI và chuyển đổi số. Xây dựng văn hóa học tập suốt đời gắn với bồi đắp giá trị văn hóa, đạo đức. Phát huy vai trò của khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho người dân

**Initiative 15: Development of Happy Vietnamese People-Building a new culture that is creative, happy, safe, and rich in national identity based on a civilized living environment enabled by AI advancement and digital transformation; fostering a lifelong learning culture associated with nurturing cultural and ethical values; promoting the role of science, technology, innovation, and digital transformation to improve material and spiritual living standards.**

- Mục tiêu: Nâng cao chất lượng sống toàn diện và chỉ số hạnh phúc của người dân Việt Nam, phấn đấu đưa Chỉ số Phát triển Con người (HDI) đạt trên 0.8 vào năm 2035. Đồng thời, xây dựng con người Việt Nam phát triển hài hoà, biết cách tiếp thu, ứng dụng hiệu quả khoa học công nghệ hiện đại nhưng vẫn giữ gìn và phát huy tốt đẹp bản sắc văn hóa dân tộc.

**Objective:** *To comprehensively improve quality of life and the happiness index of Vietnamese people, striving to raise the Human Development Index (HDI) above 0.8 by 2035, while building well-rounded Vietnamese individuals who effectively adopt modern science and technology while preserving and promoting national cultural identity.*

- Nội dung: Tập trung vào việc kiến tạo một môi trường sống văn minh, sáng tạo, an toàn và giàu bản sắc văn hóa, trong đó tận dụng hiệu quả những tiến bộ của khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số đặc biệt là trí tuệ nhân tạo và chuyển đổi số để phục vụ con người. Thúc đẩy mạnh mẽ các mô hình học tập suốt đời, không chỉ trang bị tri thức và kỹ năng cần thiết mà còn chú trọng bồi đắp các giá trị văn hóa, đạo đức truyền thống cùng kỹ năng sống hạnh phúc. Nghiên cứu, xây dựng và triển khai áp dụng bộ chỉ số đánh giá toàn diện về chất lượng sống và mức độ hạnh phúc của người Việt Nam, có tính đến các yếu tố đặc thù về văn hóa và xã hội. Phát huy tối đa vai trò của khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số như những công cụ đắc lực để nâng cao năng lực, sức khỏe, năng suất lao động, cải thiện thu nhập, điều kiện sống, từ đó làm giàu đời sống vật chất và tinh thần cho mọi người dân.

*Key contents: Focusing on creating a civilized, creative, safe, and culturally rich living environment, effectively leveraging advancements in science, technology, innovation, and digital transformation—especially AI—to serve human development. Strongly promoting lifelong learning models that not only provide essential knowledge and skills but also cultivate traditional cultural and ethical values and life skills for happiness. Researching, developing, and implementing a comprehensive index system to assess quality of life and happiness levels of Vietnamese people, incorporating cultural and social characteristics. Maximizing the role of science, technology, innovation, and digital transformation as powerful tools to enhance capacity, health, labor productivity, income, and living conditions, thereby enriching both material and spiritual life for all citizens.*

**D. Nhóm sáng kiến hạ tầng và dữ liệu (*Group of infrastructure and data initiatives*)**

16. Sáng kiến 16: Phát triển hạ tầng viễn thông, Internet đáp ứng yêu cầu dự phòng, kết nối, an toàn, bền vững, theo nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội hiện đại

***Initiative 16: Development of Telecommunications and Internet Infrastructure-***  
*Developing telecommunications and Internet infrastructure that meets requirements for redundancy, connectivity, safety, sustainability, and modern socio-economic development needs.*

- Mục tiêu: Xây dựng hạ tầng kết nối số quốc gia thế hệ mới, đồng bộ, hiện đại, bảo đảm phổ cập băng thông rộng tốc độ siêu cao (cố định và di động) đến mọi người dân, doanh nghiệp; làm chủ công nghệ mạng di động tiên tiến (5G- Advanced, hướng tới 6G) và tạo nền tảng vững chắc cho kết nối vạn vật (IoT), phục vụ phát triển kinh tế số, xã hội số.

***Objective:*** *To build a next-generation, synchronized, and modern national digital connectivity infrastructure, ensuring universal access to ultra-high-speed broadband (fixed and mobile) for all citizens and enterprises; mastering advanced mobile network technologies (5G-Advanced, progressing toward 6G); and establishing a solid foundation for the Internet of Things (IoT) to support the digital economy and digital society.*

- Nội dung:

***Key contents:***

+ Triển khai, tối ưu mạng 5G/5G-Advanced trên toàn quốc, bảo đảm chất lượng và vùng phủ.

***Deploying and optimizing nationwide 5G/5G-Advanced networks, ensuring service quality and coverage.***

+ Nghiên cứu, phát triển và thử nghiệm công nghệ 6G, tham gia tích cực vào quá trình chuẩn hoá quốc tế.

***Researching, developing, and piloting 6G technologies; actively participating in international standardization processes.***

+ Xây dựng và triển khai các giải pháp kết nối chuyên dụng cho IoT (LPWAN, etc...) và nền tảng quản lý thiết bị IoT.

*Developing and deploying dedicated connectivity solutions for the Internet of Things (IoT) (LPWAN, etc.) and IoT device management platforms.*

+ Nghiên cứu, ứng dụng các giải pháp kết nối vệ tinh băng thông rộng cho vùng sâu, vùng xa, hải đảo.

*Researching and applying broadband satellite connectivity solutions for remote, mountainous, and island areas.*

+ Bảo đảm an toàn, an ninh mạng và tính bền vững cho toàn bộ hạ tầng kết nối.

*Ensuring safety, cybersecurity, and sustainability across the entire connectivity infrastructure.*

17. Sáng kiến 17: Điện toán đám mây và Trung tâm dữ liệu quốc gia - Xây dựng hạ tầng lưu trữ và xử lý dữ liệu an toàn, hiệu quả, có khả năng mở rộng và chia sẻ linh hoạt trên quy mô toàn quốc

*Initiative 17: Cloud Computing and the National Data Center Building secure, efficient, scalable, and flexibly shareable data storage and processing infrastructure on a nationwide scale.*

- Mục tiêu: Bảo đảm chủ quyền dữ liệu, phục vụ chuyển đổi số quốc gia và thúc đẩy phát triển kinh tế số bền vững. Xây dựng và làm chủ hệ sinh thái Điện toán đám mây Chính phủ và các nền tảng Cloud "Made in Vietnam" mạnh mẽ; vận hành Trung tâm Dữ liệu quốc gia và các DC vùng/ngành đạt chuẩn quốc tế, an toàn, hiệu quả.

**Objective:** *To ensure data sovereignty, serve national digital transformation, and promote sustainable digital economic development; to build and master the Government Cloud Computing ecosystem and robust “Make in Vietnam” cloud platforms; to operate the National Data Center and sectoral/regional data centers meeting international standards for safety and efficiency.*

- Nội dung: Hoàn thiện xây dựng và đưa vào vận hành DC Quốc gia; Phát triển các dịch vụ PaaS, SaaS trên nền tảng CGC; hỗ trợ doanh nghiệp Cloud Việt Nam nâng cao năng lực; xây dựng tiêu chuẩn, quy chuẩn Cloud và DC.

**Key contents:** *Completing the construction and putting into operation the National Data Center; developing Platform-as-a-Service (PaaS) and Software-as-a-Service (SaaS) offerings on the Government Cloud Computing (CGC) platform; supporting Vietnamese cloud enterprises in enhancing their capabilities; developing cloud computing and data center standards and technical regulations.*

18. Sáng kiến 18: Nền tảng IoT quốc gia - Phát triển các nền tảng kết nối, quản lý, phân tích dữ liệu thiết bị thông minh trong mọi lĩnh vực sản xuất, đời sống, góp phần xây dựng hệ sinh thái đô thị thông minh và kinh tế số

**Initiative 18: National IoT Platform** - *Developing platforms for connecting, managing, and analyzing data from smart devices across all production and daily-life sectors, contributing to the development of smart city ecosystems and the digital economy.*

- Mục tiêu: Xây dựng nền tảng IoT quốc gia mở, an toàn và có khả năng kết nối hàng tỉ thiết bị, thúc đẩy chuyển đổi số ngành dọc và tạo nền tảng dữ liệu cho các ứng dụng AI, thúc đẩy ứng dụng IoT trong các ngành kinh tế - xã hội và xây dựng thành phố thông minh.

**Objective:** *To build an open, secure national IoT platform capable of connecting billions of devices; to promote sector-specific digital transformation and establish data foundations for AI applications; to advance IoT adoption across socio-economic sectors and smart city development.*

- Nội dung: Phát triển nền tảng IoT mở, tích hợp các công nghệ kết nối, xử lý dữ liệu và bảo mật. Xây dựng tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật cho IoT. Ưu tiên ứng dụng IoT trong: Nông nghiệp thông minh, công nghiệp 4.0, giao thông thông minh, năng lượng thông minh, y tế thông minh, quản lý đô thị thông minh. Hỗ trợ doanh nghiệp phát triển thiết bị và ứng dụng IoT "Make in Vietnam".

**Key contents:** *Developing an open IoT platform integrating connectivity, data processing, and security technologies; establishing technical standards and regulations for IoT; prioritizing IoT applications in smart agriculture, Industry 4.0, intelligent transportation, smart energy, smart healthcare, and smart urban management; supporting enterprises in developing "Make in Vietnam" IoT devices and applications.*

19. Sáng kiến 19: Cách mạng Dữ liệu quốc gia - Giải phóng dữ liệu, thiết lập cơ chế kết nối, khai thác, chia sẻ và sử dụng hiệu quả dữ liệu như tư liệu sản xuất mới, tạo động lực phát triển nhanh và bền vững

**Initiative 19: National Data Revolution**-*Unlocking data and establishing mechanisms for connectivity, exploitation, sharing, and effective use of data as a new factor of production, creating momentum for rapid and sustainable development.*

- Mục tiêu: Phát triển các nguồn dữ liệu, biến dữ liệu thành tài nguyên chiến lược và tư liệu sản xuất quốc gia thông qua việc hoàn thiện, kết nối, chia sẻ, mở dữ liệu và xây dựng các nền tảng phân tích, khai thác dữ liệu hiệu quả, an toàn.

**Objective:** *To develop data sources and transform data into a strategic national resource and factor of production through the completion, interconnection, sharing, and opening of data, and through the development of secure and efficient data analytics and exploitation platforms.*

- Nội dung: Khuyến khích các tổ chức, cá nhân xây dựng các nguồn dữ liệu có chất lượng; hoàn thiện kết nối các cơ sở dữ liệu quốc gia cốt lõi; xây dựng Cổng Dữ liệu quốc gia (data.gov.vn) với nhiều bộ dữ liệu mở chất lượng cao; phát triển Nền tảng Phân tích Dữ liệu quốc gia; xây dựng và vận hành Sàn giao dịch dữ liệu; hoàn thiện thể chế về dữ liệu. Xây dựng Đề án phát triển kinh tế dữ liệu đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050; nghiên cứu, triển khai các Khu công nghiệp về dữ liệu.

**Key contents:** *Encouraging organizations and individuals to build high-quality data resources; completing interconnections among core national databases; developing the National Data Portal (data.gov.vn) with numerous high-quality open datasets; developing the National Data Analytics Platform; establishing and operating a data exchange; improving the institutional framework for data. Developing the Data Economy Development Scheme to 2030, with a vision to 2050; researching and piloting data industrial parks.*

20. Sáng kiến 20: Cách mạng công nghệ cơ yếu bảo đảm an toàn thông tin - Phát triển và làm chủ công nghệ cơ yếu thể hệ mới dựa trên mã hoá lượng tử và hậu lượng tử góp phần tăng cường năng lực phòng vệ mạng và bảo vệ chủ quyền không gian số quốc gia

**Initiative 20: Cryptographic Technology Revolution for Information Security-** *Developing and mastering next-generation cryptographic technologies based on quantum and post-quantum cryptography, thereby strengthening cyber defense capabilities and safeguarding national digital sovereignty.*

- Mục tiêu: Phát triển và làm chủ hoàn toàn công nghệ cơ yếu lượng tử, hậu lượng tử để bảo đảm an toàn thông tin quốc gia ở mức độ siêu bảo mật, có khả năng chống lại các cuộc tấn công lượng tử, bảo vệ vững chắc chủ quyền số và ưu tiên triển khai trong các hệ thống trọng yếu.

**Objective:** *To develop and fully master quantum and post-quantum cryptographic technologies to ensure national information security at an ultra-high security level, with resilience against quantum attacks; to firmly safeguard digital sovereignty and prioritize deployment in critical systems.*

- Nội dung: Phát triển và làm chủ công nghệ cơ yếu thể hệ mới dựa trên mã hoá lượng tử và hậu lượng tử, bao gồm nghiên cứu, làm chủ công nghệ lõi về mã hoá phân phối khoá lượng tử (QKD) và các thuật toán mật mã hậu lượng tử (PQC). Phát triển các thuật toán, phần mềm lượng tử, giải pháp lai hoá lượng tử - cổ điển và các thiết bị cơ yếu chuyên dụng. Ưu tiên ứng dụng các giải pháp cơ yếu thể hệ mới trong các hệ thống dữ liệu lớn, hệ thống điều hành, giám sát trọng yếu và các nền tảng cung cấp dịch vụ số thiết yếu nhằm bảo đảm an toàn, an ninh thông tin ở mức độ cao, góp phần tăng cường năng lực phòng vệ mạng và bảo vệ chủ quyền không gian số quốc gia. Đào tạo đội ngũ chuyên gia hàng đầu; xây dựng hệ thống tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và hoàn thiện hành lang pháp lý cho công nghệ cơ yếu lượng tử và hậu lượng tử.

**Key contents:** *Developing and mastering next-generation cryptographic technologies based on quantum and post-quantum cryptography, including research and mastery of core technologies*

*such as Quantum Key Distribution (QKD) and Post-Quantum Cryptography (PQC) algorithms. Developing quantum algorithms, quantum software, hybrid quantum–classical solutions, and specialized cryptographic devices. Prioritizing the application of next-generation cryptographic solutions in big data systems, critical command, operation, and monitoring systems, and essential digital service platforms to ensure a high level of information safety and security, thereby strengthening cyber defense capabilities and protecting national digital sovereignty. Training leading experts; establishing systems of standards and technical regulations; and completing the legal framework for quantum and post-quantum cryptographic technologies.*

**E. Nhóm sáng kiến năng lực sáng tạo và văn hóa đổi mới (*Group of Initiatives on Creative Capacity and Innovation Culture*)**

21. Sáng kiến 21: Mạng lưới trung tâm nghiên cứu xuất sắc và phòng thí nghiệm trọng điểm dùng chung - Hình thành các trung tâm nghiên cứu, chuyển giao công nghệ hiện đại, thúc đẩy hợp tác trường, viện, doanh nghiệp trong nghiên cứu, phát triển và thương mại hoá sản phẩm công nghệ

***Initiative 21: Network of Centers of Excellence and Shared Key Laboratories**-Establishing advanced research and technology transfer centers to promote collaboration among universities, research institutes, and enterprises in research, development, and commercialization of technological products.*

- Mục tiêu: Hình thành và nâng cấp mạng lưới các trung tâm đổi mới sáng tạo (NIC, RIC...) và phòng thí nghiệm trọng điểm dùng chung trở thành hạt nhân của hệ sinh thái đổi mới sáng tạo và R&D quốc gia.

***Objective:** To establish and upgrade a network of innovation centers (NICs, RICs, etc.) and share key laboratories as the core of the national innovation and R&D ecosystem.*

- Nội dung: Đầu tư xây dựng/nâng cấp cơ sở vật chất, trang thiết bị; thu hút các nhóm nghiên cứu mạnh; tăng cường liên kết viện, trường, doanh nghiệp tại các trung tâm/phòng thí nghiệm; xây dựng cơ chế tự chủ, vận hành hiệu quả.

***Key contents:** Investing in the construction and upgrading of facilities and equipment; attracting strong research groups; strengthening linkages among research institutes, universities, and enterprises within centers and laboratories; establishing mechanisms for autonomy and efficient operation.*

22. Sáng kiến 22: Thu hút và ươm tạo tài năng khoa học, công nghệ - Xây dựng cơ chế đặc thù, môi trường làm việc đẳng cấp quốc tế, chính sách đãi ngộ cạnh tranh nhằm thu hút, phát hiện, nuôi dưỡng và phát triển đội ngũ nhân tài khoa học, công nghệ trong và ngoài nước

***Initiative 22: Attracting and Nurturing Science and Technology Talent**-Establishing special mechanisms, world-class working environments, and competitive incentive policies to attract,*

*identify, nurture, and develop science and technology talents both domestically and internationally.*

- Mục tiêu: Xây dựng và triển khai các chương trình quy mô quốc gia nhằm phát hiện, thu hút, đào tạo, bồi dưỡng và phát triển các tài năng trẻ, các nhà khoa học xuất sắc trong và ngoài nước về khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo và AI.

**Objective:** *To develop and implement national-scale programs to identify, attract, train, foster, and develop young talents and outstanding scientists, both domestic and overseas, in science and technology, innovation, and artificial intelligence.*

- Nội dung: Các chương trình học bổng đặc biệt; các vườn ươm tài năng; cơ chế đãi ngộ, môi trường làm việc hấp dẫn; mạng lưới kết nối nhân tài Việt Nam toàn cầu. Quy định rõ chế độ và lộ trình, định hướng đào tạo, bồi dưỡng phát triển đội ngũ cán bộ có trình độ khoa học công nghệ hiện đại.

**Key contents:** *Special scholarship programs; talent incubators; incentive mechanisms and attractive working environments; global networks connecting Vietnamese talents. Clearly defining regimes, roadmaps, and orientations for training and capacity building of personnel with advanced science and technology expertise.*

23. Sáng kiến 23: Nghiên cứu cơ bản và phát triển công nghệ lõi cho Máy tính tương lai - Nghiên cứu cơ bản và phát triển công nghệ lõi cho máy tính thế hệ tương lai - Đẩy mạnh nghiên cứu cơ bản và phát triển công nghệ lõi trong các lĩnh vực tính toán và truyền tin lượng tử, máy tính mô phỏng não bộ và máy tính thế hệ mới, từng bước làm chủ tri thức nền và công nghệ gốc. Hình thành nhóm nghiên cứu mạnh, kết nối chuyên gia quốc tế, xây dựng hạ tầng thử nghiệm, tạo nền tảng cho các đột phá về trí tuệ nhân tạo, siêu tính toán và xử lý dữ liệu quy mô lớn

**Initiative 23: Fundamental Research and Core Technology Development for Future Computing-** *Promoting fundamental research and core technology development in future computing—advancing fundamental research and core technology development in quantum computing and quantum communications, neuromorphic computing, and next-generation computing systems; progressively mastering foundational knowledge and original technologies. Forming strong research groups, connecting with international experts, building experimental infrastructure, and laying the foundation for breakthroughs in artificial intelligence, high-performance computing, and large-scale data processing.*

- Mục tiêu: Từng bước làm chủ tri thức nền và công nghệ lõi cho máy tính thế hệ tương lai, tạo nền tảng vững chắc cho các đột phá trong trí tuệ nhân tạo, siêu tính toán và xử lý dữ liệu quy mô lớn.

**Objective:**

*To progressively master foundational knowledge and core technologies for future computing, creating a solid foundation for breakthroughs in artificial intelligence, high-performance computing, and large-scale data processing.*

- Nội dung: Đẩy mạnh nghiên cứu cơ bản và phát triển công nghệ lõi trong các lĩnh vực then chốt như tính toán và truyền tin lượng tử, máy tính mô phỏng não bộ (neuromorphic computing) và các kiến trúc máy tính thế hệ mới. Hình thành các nhóm nghiên cứu mạnh, tăng cường hợp tác và kết nối chuyên gia quốc tế, xây dựng hạ tầng nghiên cứu và thử nghiệm đồng bộ, nhằm từng bước làm chủ tri thức nền, công nghệ gốc, tạo tiền đề cho các ứng dụng đột phá.

**Key contents:** *Promoting fundamental research and core technology development in key fields such as quantum computing and quantum communications, neuromorphic computing, and next-generation computing architectures. Establishing strong research groups, enhancing international cooperation and expert connectivity, and building synchronized research and testing infrastructure to progressively master foundational knowledge and original technologies, thereby laying the groundwork for breakthrough applications.*

24. Sáng kiến 24: Nền tảng thông tin và tri thức khoa học công nghệ dùng chung: Phát triển nền tảng tích hợp dữ liệu, thông tin, tri thức khoa học, công nghệ quốc gia, ứng dụng AI hỗ trợ nghiên cứu khoa học và sáng tạo

**Initiative 24: Shared Science and Technology Information and Knowledge Platform-***Developing a national platform that integrates science and technology data, information, and knowledge, applying artificial intelligence to support scientific research and innovation.*

- Mục tiêu: Xây dựng và phát triển một nền tảng số quốc gia dùng chung, tích hợp dữ liệu, thông tin và tri thức khoa học công nghệ, có ứng dụng trí tuệ nhân tạo để hỗ trợ nghiên cứu khoa học, đổi mới sáng tạo, đồng thời phục vụ hiệu quả công tác quản lý và đào tạo trong lĩnh vực khoa học và công nghệ.

**Objective:** *To build and develop a shared national digital platform that integrates science and technology data, information, and knowledge, applying artificial intelligence to support scientific research and innovation, while effectively serving management and training activities in the field of science and technology.*

- Nội dung: Xây dựng và tích hợp các cơ sở dữ liệu quốc gia về khoa học và công nghệ (bao gồm dữ liệu về nhiệm vụ, chuyên gia, công bố, sáng chế, hạ tầng...); phát triển Nền tảng quản lý R&D trực tuyến; xây dựng Thư viện số khoa học và công nghệ quốc gia; thiết lập Nền tảng kết nối chuyên gia khoa học và công nghệ; đồng thời, ứng dụng AI để hỗ trợ khai thác, phân tích dữ liệu, thông tin và tri thức khoa học công nghệ, phục vụ nghiên cứu khoa học và hoạt động sáng tạo.

**Key contents:** *Developing and integrating national databases on science and technology (including data on tasks and missions, experts, publications, patents, infrastructure, etc.);*

*developing an online R&D management platform; building a national digital science and technology library; establishing a platform for connecting science and technology experts; and applying AI to support the exploitation and analysis of science and technology data, information, and knowledge, serving scientific research and innovation activities.*

25. Sáng kiến 25: Văn hóa đổi mới - Xây dựng hệ thống giá trị, môi trường và cơ chế thúc đẩy tinh thần sáng tạo, tôn vinh đổi mới sáng tạo, bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ, lan toả văn hóa đổi mới trong toàn xã hội; phát triển đội ngũ doanh nhân công nghệ; văn hóa doanh nhân công nghệ; xây dựng văn hóa trách nhiệm xã hội, phổ cập tri thức, chủ động sáng tạo, tự chủ và tự chịu trách nhiệm của các nhà khoa học, tổ chức khoa học, công nghệ và cơ sở giáo dục đại học

***Initiative 25: Innovation Culture-Building a system of values, an enabling environment, and mechanisms to promote the spirit of creativity, honor innovation, protect intellectual property rights, and diffuse an innovation culture throughout society; developing a contingent of technology entrepreneurs and a culture of technology entrepreneurship; fostering a culture of social responsibility, knowledge dissemination, proactive creativity, autonomy, and self-accountability among scientists, science and technology organizations, and higher education institutions.***

- Mục tiêu: Xây dựng và lan toả sâu rộng trong toàn xã hội một hệ thống giá trị, tư duy và môi trường khuyến khích mạnh mẽ sự sáng tạo, dám nghĩ, dám làm, chấp nhận rủi ro có tính toán và học hỏi từ thất bại. Qua đó, tạo dựng nền tảng tinh thần vững chắc, thúc đẩy đam mê khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, đưa đổi mới sáng tạo trở thành động lực nội sinh quan trọng cho sự phát triển bền vững của đất nước.

***Objective: To build and widely disseminate throughout society a system of values, mindsets, and environments that strongly encourage creativity, bold thinking and action, acceptance of calculated risks, and learning from failure. Thereby establishing a solid spiritual and cultural foundation, fostering passion for science, technology, and innovation, and making innovation a key endogenous driver for the country's sustainable development.***

- Nội dung: Sáng kiến tập trung xây dựng và lan toả sâu rộng văn hóa đổi mới sáng tạo trong toàn xã hội thông qua việc triển khai chiến lược truyền thông toàn diện nâng cao nhận thức, giáo dục tư duy sáng tạo và tinh thần dám nghĩ dám làm. Đồng thời, hoàn thiện thể chế, chính sách để tạo môi trường thuận lợi, khuyến khích chấp nhận rủi ro, thúc đẩy hợp tác và tạo không gian thử nghiệm ý tưởng mới. Sáng kiến cũng nhấn mạnh việc tôn vinh, ghi nhận kịp thời các đóng góp sáng tạo, phát triển mạnh mẽ các cộng đồng và mạng lưới đổi mới sáng tạo, cùng với vai trò tiên phong, gương mẫu của lãnh đạo các cấp, nhằm tạo nền tảng tinh thần vững chắc cho sự phát triển đột phá của khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

***Key contents: The initiative focuses on building and widely spreading an innovation culture across society through the implementation of comprehensive communication strategies to raise awareness and educate creative thinking and a bold, proactive spirit. At the same time, it aims to improve institutions and policies to create a favorable environment, encourage risk acceptance,***

*promote collaboration, and create spaces for experimenting with new ideas. The initiative also emphasizes timely recognition and honoring of creative contributions, strong development of innovation communities and networks, and the pioneering, exemplary role of leaders at all levels, thereby creating a solid cultural and spiritual foundation for breakthrough development in science, technology, and innovation.*

#### **G. Nhóm các dự án đặc biệt quan trọng (Group of Specially Important Projects)**

(Đây là các dự án có quy mô, tầm vóc và cơ chế đặc biệt, cần được Ban Chỉ đạo Trung ương xem xét, quyết định)

*(These are projects of special scale, significance, and mechanisms that require consideration and decision by the Central Steering Committee.)*

##### **26. Sáng kiến 26: AI quốc gia**

*Initiative 26: National Artificial Intelligence (AI)*

Hình thành trung tâm đầu não về nghiên cứu, đào tạo và thử nghiệm AI, có cơ chế đặc thù, liên kết quốc tế, tự chủ tài chính; phát triển mô hình ngôn ngữ lớn (LLM) dành riêng cho Tiếng Việt và bối cảnh văn hóa Việt, phục vụ ứng dụng AI vào giáo dục, pháp lý, y tế, hành chính công; thiết lập cơ chế thử nghiệm các mô hình, giải pháp AI trong môi trường pháp lý được kiểm soát, tạo điều kiện cho đổi mới sáng tạo; tích hợp chương trình AI trong các cấp học, mở rộng đào tạo đại trà kỹ năng AI cơ bản cho học sinh - sinh viên; tạo quỹ AI quốc gia, mời gọi các tập đoàn công nghệ đầu tư cùng chính phủ phát triển nền tảng AI hạ tầng, AI điện toán đám mây, siêu máy tính AI; phát triển nguồn nhân lực thiết kế, sản xuất chip AI chuyên dụng, làm chủ công nghệ đóng gói tiên tiến phục vụ các ngành công nghiệp mũi nhọn.

*Establishing a central hub for AI research, training, and experimentation with special mechanisms, international linkages, and financial autonomy; developing large language models (LLMs) dedicated to the Vietnamese language and Vietnamese cultural context, serving AI applications in education, legal services, healthcare, and public administration; establishing mechanisms to pilot AI models and solutions within a controlled legal environment to enable innovation; integrating AI programs across educational levels and expanding mass training in basic AI skills for pupils and students; establishing a national AI fund and attracting technology corporations to invest together with the Government in developing AI infrastructure platforms, cloud-based AI, and AI supercomputing; developing human resources for the design and manufacturing of specialized AI chips and mastering advanced packaging technologies for key industries.*

##### **27. Sáng kiến 27: Công nghệ gen chữa bệnh**

*Initiative 27: Gene Therapy Technologies*

Làm chủ công nghệ gen và AI trong y học chính xác, nâng cao chất lượng chăm sóc sức khỏe người dân; hợp tác quốc tế nghiên cứu, phát triển công nghệ AI trong thiết kế thuốc và phác đồ điều trị một số bệnh phổ biến, bảo đảm tiếp cận các thành tựu y học hiện đại.

*Mastering gene technologies and AI in precision medicine to improve the quality of healthcare for the population; promoting international cooperation in research and development of AI technologies for drug design and treatment regimens for certain common diseases, ensuring access to modern medical advances.*

28. Sáng kiến 28: Công nghệ năng lượng nguyên tử

*Initiative 28: Nuclear Energy Technologies*

Làm chủ công nghệ lưu trữ, vận chuyển chất phóng xạ và nghiên cứu, phát triển lò phản ứng nguyên tử cỡ nhỏ, bảo đảm an toàn và phục vụ dân sinh hướng tới các vấn đề năng lượng tương lai, kỹ thuật thăm dò, chăm sóc sức khỏe, tạo giống mới.

*Mastering technologies for the storage and transportation of radioactive materials, and researching and developing small modular nuclear reactors, ensuring safety and serving civilian purposes toward future energy solutions, exploration technologies, healthcare, and new breed development.*

29. Sáng kiến 29: Công nghệ đường sắt cao tốc Bắc Nam

*Initiative 29: North–South High-Speed Railway Technologies*

Nghiên cứu, phát triển các công nghệ liên quan tới đường sắt cao tốc phù hợp với điều kiện địa hình, môi trường Việt Nam, gắn với phát triển các siêu đô thị thông minh.

*Researching and developing technologies related to high-speed railways suitable to Vietnam's geographical and environmental conditions, associated with the development of smart megacities.*

30. Sáng kiến 30: Công nghệ chế tạo thiết bị không người lái và Robot phục vụ an ninh - quốc phòng và sản xuất tự động

*Initiative 30: Technologies for the Manufacturing of Unmanned Systems and Robotics Serving Security, Defense, and Automated Production*

Làm chủ và phát triển các công nghệ lõi gồm công nghệ dữ liệu, trí tuệ nhân tạo, trí tuệ nhân tạo biên (Edge AI), định vị - dẫn đường, an ninh mạng; thiết kế, chế tạo thiết bị không người lái, robot hiện đại, đa năng; phát triển hệ thống vệ tinh viễn thám và vệ tinh thông tin liên lạc quốc gia phục vụ an ninh - quốc phòng. Đồng thời, thúc đẩy ứng dụng dân sự, đặc biệt là phát triển robot làm việc tự động tại nhà máy, khu công nghiệp nhằm nâng cao năng suất, hình thành mô hình nhà máy "không đèn - không người - làm việc liên tục", góp phần hiện đại hoá sản xuất và nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia.

*Mastering and developing core technologies including data technologies, artificial intelligence, edge AI, positioning and navigation, and cybersecurity; designing and manufacturing modern, multifunctional unmanned systems and robots; developing national remote sensing and telecommunications satellite systems serving security and defense. At the same time, promoting civilian applications, particularly the development of autonomous working robots in factories and industrial parks to enhance productivity, forming “lights-out – human-free – continuous-operation” factory models, contributing to the modernization of production and enhancement of national competitiveness.*

**PHỤ LỤC II (APPENDIX II)**  
**HỆ THỐNG CHỈ TIÊU ĐO LƯỜNG THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT SỐ 57-NQ/TW**  
***SYSTEM OF INDICATORS FOR MEASURING THE IMPLEMENTATION OF***  
***RESOLUTION No. 57-NQ/TW***

(Kèm theo Kế hoạch số 01-KH/BCĐTW, ngày 02/6/2025 của Ban Chỉ đạo Trung ương)  
*(Attached to Plan No. 01-KH/BCĐTW dated June 2, 2025 of the Central Steering Committee)*

**A- NGUYÊN TẮC VÀ CẤU TRÚC HỆ THỐNG CHỈ TIÊU (*PRINCIPLES AND STRUCTURE OF THE INDICATOR SYSTEM*)**

**1. Nguyên tắc xây dựng (*Principles for development*)**

- Bảo đảm bám sát mục tiêu tổng thể, định hướng chiến lược của Nghị quyết số 57-NQ/TW; đồng thời gắn kết chặt chẽ với các chỉ tiêu, nhiệm vụ cụ thể trong các văn bản triển khai của Chính phủ (Nghị quyết số 71/NQ-CP), Quốc hội và các cơ quan có liên quan.

*Ensuring close alignment with the overall objectives and strategic orientations of Resolution No. 57-NQ/TW, while closely linking with specific indicators and tasks in implementation documents of the Government (Resolution No. 71/NQ-CP), the National Assembly, and relevant agencies.*

- Tập trung đo lường kết quả và tác động thực chất; làm rõ mức độ hoàn thành mục tiêu đề ra. Ưu tiên sử dụng các chỉ số đầu ra (outputs) và kết quả (outcomes), hạn chế sử dụng các chỉ số đầu vào (inputs) nhằm phản ánh đúng hiệu quả thực thi chính sách.

*Focusing on measuring substantive results and impacts, clearly reflecting the level of achievement of set objectives. Priority is given to output and outcome indicators, limiting the use of input indicators to accurately reflect policy implementation effectiveness.*

- Cấu trúc hệ thống chỉ tiêu theo 06 Hệ thống Chiến lược trọng yếu đã xác định tại Kế hoạch hành động chiến lược, bảo đảm phù hợp với cơ chế giám sát, điều phối và chỉ đạo thống nhất của Ban Chỉ đạo Trung ương.

*Structuring the indicator system according to the six key Strategic Systems identified in the Strategic Action Plan, ensuring consistency with the unified monitoring, coordination, and direction mechanisms of the Central Steering Committee.*

- Bảo đảm tính khả thi và khả năng đo lường cụ thể; chỉ tiêu phải gắn với thực tiễn triển khai, có nguồn dữ liệu rõ ràng phục vụ việc tính toán, đánh giá và báo cáo kết quả.

*Ensuring feasibility and measurability; indicators must be closely linked to implementation practices and have clear data sources to support calculation, assessment, and reporting.*

- Gắn kết chỉ tiêu với các Sáng kiến đột phá và Dự án đặc biệt quan trọng để tập trung nguồn lực chỉ đạo, tháo gỡ điểm nghẽn trong quá trình thực hiện.

*Linking indicators with Breakthrough Initiatives and Specially Important Projects to focus leadership resources and address bottlenecks during implementation.*

- Bảo đảm tuân thủ nguyên tắc SMART, theo đó các chỉ tiêu cần: Cụ thể (Specific), đo lường được (Measurable), khả thi (Achievable), liên quan (Relevant) và có thời hạn rõ ràng (Time-bound), tương ứng với các mốc thời gian đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2045.

*Ensuring compliance with the SMART principle, whereby indicators must be Specific, Measurable, Achievable, Relevant, and Time-bound, corresponding to milestones up to 2030 and the vision to 2045.*

## **2. Cấu trúc hệ thống chỉ tiêu**

*(Structure of the indicator system)*

Hệ thống chỉ tiêu đo lường việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW được thiết kế theo 4 tầng cấp độ, bảo đảm tính hệ thống, logic và liên kết chặt chẽ giữa mục tiêu chiến lược, chỉ tiêu cụ thể và dữ liệu thực tiễn, cấu trúc này cho phép theo dõi, giám sát, đánh giá và điều hành triển khai một cách đồng bộ, toàn diện và hiệu quả trên phạm vi toàn quốc. Cụ thể:

*The indicator system for measuring the implementation of Resolution No. 57-NQ/TW is designed with four hierarchical levels, ensuring systematic structure, logical coherence, and close linkage among strategic objectives, specific indicators, and practical data. This structure enables synchronized, comprehensive, and effective monitoring, supervision, evaluation, and management of implementation nationwide. Specifically:*

- Thứ nhất, mục tiêu chiến lược quốc gia: Là các định hướng chiến lược cao nhất, do Bộ Chính trị xác định tại Nghị quyết số 57-NQ/TW, thể hiện tầm nhìn dài hạn, khát vọng phát triển đất nước và đóng vai trò kim chỉ nam cho toàn bộ quá trình tổ chức thực hiện. Đây là đích đến tổng thể mà toàn hệ thống chính trị cần phấn đấu đạt được.

*First level – National strategic objectives: These are the highest-level strategic orientations defined by the Politburo in Resolution No. 57-NQ/TW, reflecting long-term vision and national development aspirations, and serving as guiding principles for the entire implementation process. They represent the overall destination toward which the entire political system strives.*

- Thứ hai, chỉ tiêu cụ thể: Là sự lượng hóa các mục tiêu chiến lược quốc gia thành các kết quả cần đạt được trong từng giai đoạn cụ thể (đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2045). Các chỉ tiêu này được Chính phủ xác định trong Nghị quyết số 71/NQ-CP và cụ thể hoá trong các kế hoạch, chương trình hành động của bộ, ngành, địa phương và các chủ thể liên quan. Đây là hệ thống mục tiêu cần đạt, có khả năng đo lường, làm căn cứ để kiểm tra, giám sát và đánh giá kết quả triển khai.

***Second level – Specific targets:** These quantify national strategic objectives into results to be achieved in specific phases (by 2030 and with a vision to 2045). These targets are determined by the Government in Resolution No. 71/NQ-CP and further specified in action plans and programs of ministries, sectors, localities, and relevant stakeholders. This is the system of measurable objectives serving as a basis for inspection, supervision, and evaluation of implementation results.*

- Thứ ba, chỉ số đo lường hệ thống (KPIs): Là các chỉ số cốt lõi phản ánh mức độ hiệu quả trong triển khai Nghị quyết số 57-NQ/TW thông qua việc vận hành 6 Hệ thống Chiến lược trọng yếu đã xác định trong Kế hoạch hành động chiến lược. Các KPIs phục vụ trực tiếp cho công tác giám sát, đánh giá kết quả, tiến độ thực hiện, đồng thời hỗ trợ Ban Chỉ đạo Trung ương trong việc điều phối tổng thể, nhận diện điểm nghẽn và chỉ đạo xử lý kịp thời.

***Third level – System performance indicators (KPIs):** These are core indicators reflecting the effectiveness of implementing Resolution No. 57-NQ/TW through the operation of the six key Strategic Systems identified in the Strategic Action Plan. KPIs directly serve monitoring and evaluation of results and progress, while supporting the Central Steering Committee in overall coordination, identification of bottlenecks, and timely direction and intervention.*

- Thứ tư, chỉ số tác nghiệp (OIs): Là các chỉ số chi tiết, phản ánh dữ liệu gốc phát sinh từ hoạt động thực tiễn của các bộ, ngành, địa phương, cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp, đơn vị liên quan. Đây là tầng dữ liệu đầu vào quan trọng, là cơ sở để tổng hợp, phân tích, tính toán KPIs và các chỉ tiêu cụ thể, phục vụ báo cáo và đánh giá khách quan tiến độ, kết quả triển khai.

***Fourth level – Operational indicators (OIs):** These are detailed indicators reflecting raw data generated from practical activities of ministries, sectors, localities, agencies, organizations, enterprises, and related entities. This constitutes a critical input data layer, serving as the basis for aggregation, analysis, calculation of KPIs and specific targets, and for objective reporting and evaluation of implementation progress and results.*

Việc thiết kế hệ thống chỉ tiêu theo cấu trúc bốn tầng nêu trên nhằm bảo đảm tính khoa học, khả thi và vận hành hiệu quả trong công tác theo dõi, giám sát và điều hành quá trình thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW.

*The design of the indicator system under the above four-tier structure aims to ensure scientific rigor, feasibility, and effective operation in monitoring, supervision, and management of the implementation of Resolution No. 57-NQ/TW.*

## **B. MỐI QUAN HỆ PHÂN CẤP VÀ LIÊN KẾT CÁC CHỈ TIÊU (Hierarchical Structure and Linkages among Indicators)**

Hệ thống chỉ tiêu đo lường việc thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW được xây dựng trên cơ sở bảo đảm tính phân cấp rõ ràng và tính liên kết chặt chẽ giữa các tầng cấp chỉ tiêu. Việc phân công, phối hợp thực hiện được xác lập phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của từng chủ thể, đồng thời phục vụ yêu cầu giám sát, điều hành tập trung, thống nhất của Ban Chỉ đạo Trung ương. Cụ thể:

*The system of indicators for measuring the implementation of Resolution No. 57-NQ/TW is designed to ensure clear hierarchical differentiation and strong linkages among different levels of indicators. The assignment of responsibilities and coordination mechanisms are established in accordance with the functions and mandates of each stakeholder, while simultaneously serving the requirements for centralized, unified monitoring and governance by the Central Steering Committee. Specifically:*

- Thứ nhất, các mục tiêu chiến lược quốc gia được xác lập tại Nghị quyết số 57-NQ/TW là căn cứ để các cơ quan trong hệ thống chính trị, bao gồm Chính phủ, Quốc hội, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các ban, bộ, ngành, địa phương và tổ chức có liên quan cụ thể hoá thành các chỉ tiêu cụ thể, lồng ghép trong kế hoạch hành động, nghị quyết, chương trình của mình nhằm tổ chức triển khai đồng bộ, hiệu quả.

*First, the national strategic objectives set forth in Resolution No. 57-NQ/TW serve as the foundation for agencies across the political system—including the Government, the National Assembly, the Vietnam Fatherland Front, central commissions, ministries, sectors, local authorities, and relevant organizations—to translate these objectives into concrete indicators. These indicators are integrated into their respective action plans, resolutions, and programs to ensure synchronized and effective implementation.*

- Thứ hai, công tác theo dõi, giám sát và điều phối thực hiện được triển khai thông qua 6 Hệ thống Chiến lược trọng yếu, với các Chỉ số đo lường hệ thống (KPIs) do Ban Chỉ đạo Trung ương trực tiếp theo dõi, chỉ đạo. Các KPIs có vai trò phản ánh hiệu quả vận hành tổng thể và hỗ trợ điều hành chiến lược trên phạm vi toàn quốc.

*Second, monitoring, supervision, and coordination of implementation are carried out through six key Strategic Systems, with System-level Key Performance Indicators (KPIs) directly monitored and directed by the Central Steering Committee. These KPIs reflect overall operational effectiveness and support strategic management at the national level.*

- Thứ ba, luồng dữ liệu và báo cáo được tổ chức theo quy trình thống nhất, liên thông từ cơ sở đến Trung ương. Dữ liệu gốc được thu thập từ hoạt động thực tiễn của các bộ, ngành, địa phương, cơ quan, tổ chức và doanh nghiệp; được các đơn vị chức năng xử lý, tổng hợp và tính toán, làm cơ sở để báo cáo các chỉ tiêu cụ thể và KPIs hệ thống lên Ban Chỉ đạo Trung ương, phục vụ việc đánh giá tổng thể mức độ hoàn thành các mục tiêu chiến lược quốc gia.

*Third, data and reporting flows are organized under a unified and interoperable process from the grassroots level to the central level. Primary data are collected from the practical activities of ministries, sectors, local authorities, agencies, organizations, and enterprises; processed,*

*aggregated, and calculated by functional units; and used as the basis for reporting specific indicators and system-level KPIs to the Central Steering Committee, serving the overall assessment of progress toward national strategic objectives.*

- Thứ tư, luồng chỉ đạo, điều hành được thiết kế theo mô hình đồng bộ, nhất quán. Ban Chỉ đạo Trung ương ban hành Kế hoạch hành động chiến lược, thực hiện chỉ đạo chiến lược và phân cấp nhiệm vụ cho các chủ thể thực hiện. Trên cơ sở đó, các cơ quan, đơn vị, địa phương xây dựng kế hoạch hành động cụ thể, tổ chức triển khai, định kỳ báo cáo kết quả thực hiện và chịu sự giám sát, kiểm tra, đánh giá của Ban Chỉ đạo Trung ương. Căn cứ kết quả thực hiện và báo cáo tổng hợp, Ban Chỉ đạo sẽ xem xét điều chỉnh, tháo gỡ điểm nghẽn và tiếp tục chỉ đạo phù hợp với tình hình thực tiễn.

*Fourth, the command and management flow is designed in a coherent and consistent manner. The Central Steering Committee issues the Strategic Action Plan, provides strategic direction, and assigns responsibilities to implementing entities. Based on this, ministries, agencies, and local authorities develop detailed action plans, organize implementation, periodically report results, and are subject to supervision, inspection, and evaluation by the Central Steering Committee. On the basis of implementation outcomes and consolidated reports, the Central Steering Committee considers necessary adjustments, addresses bottlenecks, and continues to provide direction in line with practical developments.*

Việc bảo đảm mối quan hệ phân cấp và liên kết chặt chẽ trong toàn bộ hệ thống chỉ tiêu là yếu tố then chốt nhằm nâng cao hiệu quả công tác giám sát, đánh giá và điều hành triển khai. Đồng thời, cơ chế này góp phần bảo đảm sự lãnh đạo, chỉ đạo thống nhất của Ban Chỉ đạo Trung ương, song song với việc phát huy vai trò chủ động, linh hoạt và sáng tạo của các cơ quan, đơn vị, địa phương trong tổ chức thực hiện. Các bảng chỉ tiêu chi tiết sẽ được điều hành theo cơ chế linh hoạt, cập nhật theo thời gian và quản lý tập trung trên Hệ thống thông tin quản lý triển khai Nghị quyết số 57-NQ/TW tại địa chỉ: <https://www.nq57.vn>.

*Ensuring a clear hierarchical structure and strong linkages throughout the indicator system is a key factor in enhancing the effectiveness of monitoring, evaluation, and implementation management. At the same time, this mechanism ensures unified leadership and direction by the Central Steering Committee, while promoting proactiveness, flexibility, and innovation among ministries, agencies, and local authorities in implementation. Detailed indicator tables will be managed under a flexible mechanism, updated over time, and centrally administered through the Information System for Managing the Implementation of Resolution No. 57-NQ/TW at: <https://www.nq57.vn>.*

### **C- CÁCH THỨC SỬ DỤNG VÀ GẮN KẾT (MODALITIES OF UTILIZATION AND INTEGRATION)**

Hệ thống chỉ tiêu đo lường được sử dụng như một công cụ cốt lõi phục vụ công tác chỉ đạo, giám sát, đánh giá và điều hành của Ban Chỉ đạo Trung ương, đồng thời thúc đẩy sự phối hợp đồng bộ của toàn hệ thống chính trị. Cách thức sử dụng và gắn kết được xác định như sau:

*The system of indicators is used as a core instrument to support the leadership, supervision, monitoring, evaluation, and executive functions of the Central Steering Committee, while also*

*promoting coordinated and synchronized action across the entire political system. The modalities of utilization and integration are defined as follows:*

1. Bảng điều khiển giám sát chiến lược (Dashboard) ***Strategic Monitoring Dashboard***

- Hệ thống chỉ tiêu, đặc biệt là các chỉ tiêu cụ thể trong Nghị quyết số 71/NQ-CP và các chỉ số đo lường hệ thống (KPIs), là cơ sở cốt lõi để xây dựng Bảng điều khiển điện tử (Dashboard) theo dõi, giám sát và đánh giá việc thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW trên phạm vi toàn quốc.

*The indicator system, particularly the specific targets set out in Resolution No. 71/NQ-CP and the system performance indicators (KPIs), serves as the core foundation for the development of an electronic Monitoring Dashboard to track, supervise, and evaluate the nationwide implementation of Resolution No. 57-NQ/TW.*

- Bảng điều khiển được tích hợp trên nền tảng số, phục vụ trực tiếp cho Ban Chỉ đạo Trung ương, Cơ quan Thường trực Ban Chỉ đạo và các cấp có thẩm quyền trong việc nắm bắt tình hình tổng thể, hỗ trợ ra quyết định chính xác, kịp thời.

*The Dashboard is integrated into a digital platform and directly serves the Central Steering Committee, its Standing Body, and competent authorities at all levels, enabling a comprehensive overview of the situation and supporting timely, accurate decision-making.*

2. Xác định trách nhiệm triển khai và cung cấp dữ liệu (**Assignment of implementation responsibilities and data provision**)

- Trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ cụ thể nhằm đạt được các chỉ tiêu do Nghị quyết số 71/NQ-CP và các văn bản liên quan quy định thuộc về các bộ, ngành, địa phương và cơ quan được phân công.

*Responsibility for carrying out specific tasks to achieve the targets prescribed in Resolution No. 71/NQ-CP and related documents rests with the assigned ministries, sectors, local authorities, and designated agencies.*

- Các cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ có trách nhiệm thu thập, cập nhật, tổng hợp và báo cáo dữ liệu thực hiện theo định kỳ hoặc đột xuất, gửi về Chính phủ, Quốc hội và Ban Chỉ đạo Trung ương (thông qua Cơ quan Thường trực).

*Assigned agencies and units are responsible for collecting, updating, aggregating, and reporting implementation data on a periodic or ad hoc basis, and submitting such data to the Government, the National Assembly, and the Central Steering Committee (via its Standing Body).*

- Ban Chỉ đạo Trung ương sử dụng các KPIs để theo dõi hiệu quả tổng thể và đôn đốc việc thực hiện trách nhiệm của các chủ thể liên quan.

*The Central Steering Committee uses KPIs to monitor overall performance and to urge and oversee the fulfillment of responsibilities by relevant stakeholders*

3. Liên kết Chỉ đạo chiến lược và trọng tâm đột phá (**Linking strategic direction with breakthrough priorities**)

- Các KPIs của từng Hệ thống Chiến lược (hệ thống 1 - hệ thống 6) phản ánh mức độ đóng góp vào mục tiêu tổng thể của Nghị quyết số 57-NQ/TW, là căn cứ để Ban Chỉ đạo đánh giá hiệu quả từng lĩnh vực chiến lược.

*The KPIs of each Strategic System (System 1 – System 6) reflect their level of contribution to the overall objectives of Resolution No. 57-NQ/TW and serve as a basis for the Central Steering Committee to assess the effectiveness of each strategic domain.*

- Các Sáng kiến đột phá và Dự án đặc biệt quan trọng là các trọng tâm được ưu tiên tập trung chỉ đạo, bố trí nguồn lực và tháo gỡ rào cản. Việc theo dõi KPIs có liên quan trực tiếp tới các Sáng kiến/Dự án đặc biệt quan trọng giúp đánh giá mức độ tác động và hiệu quả của các giải pháp trọng điểm đang triển khai.

*Breakthrough Initiatives and Specially Important Projects constitute priority focal points for concentrated leadership, resource allocation, and the removal of bottlenecks. Monitoring KPIs directly associated with these Initiatives/Projects enables the assessment of their impact and the effectiveness of key solutions currently being implemented.*

- Trường hợp KPIs liên quan đến Sáng kiến/Dự án đặc biệt quan trọng không đạt yêu cầu, Ban Chỉ đạo Trung ương có trách nhiệm chỉ đạo rà soát nguyên nhân, đánh giá tình hình thực hiện và đề xuất giải pháp điều chỉnh phù hợp.

*In cases where KPIs related to Breakthrough Initiatives or Specially Important Projects fail to meet requirements, the Central Steering Committee is responsible for directing a review of causes, assessing the implementation status, and proposing appropriate corrective measures.*

#### **4. Công cụ giám sát, đánh giá và điều phối của Ban Chỉ đạo Trung ương (Monitoring, evaluation, and coordination tools of the Central Steering Committee)**

Ban Chỉ đạo Trung ương, Cơ quan Thường trực và Tổ Giúp việc sử dụng hệ thống chỉ tiêu để:

*The Central Steering Committee, its Standing Body, and its Supporting Task Force use the indicator system to:*

- Theo dõi tiến độ thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW (bao gồm cả Nghị quyết số 71/NQ-CP, các kế hoạch và chương trình hành động của Quốc hội và các cơ quan có liên quan...).

*Monitor the progress of implementation of Resolution No. 57-NQ/TW (including Resolution No. 71/NQ-CP, as well as action plans and programs of the National Assembly and relevant agencies).*

- Phát hiện sớm các điểm nghẽn, vướng mắc liên ngành, liên cấp hoặc liên quan đến thể chế, chính sách.

*Detect early bottlenecks and obstacles that are inter-sectoral, inter-level, or related to institutions and policies.*

- Đánh giá hiệu quả của các giải pháp, cơ chế đang triển khai.

*Assess the effectiveness of mechanisms and solutions being implemented.*

- Đưa ra quyết định điều chỉnh định hướng chiến lược, phân bổ nguồn lực và chỉ đạo tháo gỡ khó khăn theo thẩm quyền hoặc kiến nghị cấp có thẩm quyền xử lý.

*Make decisions to adjust strategic orientations, allocate resources, and direct the resolution of difficulties within their authority, or submit recommendations to competent authorities for handling.*

- Báo cáo Bộ Chính trị, Ban Bí thư về tình hình và kết quả thực hiện một cách khách quan, toàn diện.

*Report objectively and comprehensively to the Politburo and the Party Central Committee Secretariat on the implementation status and results.*

**5. Thúc đẩy cải thiện Hệ thống Dữ liệu quốc gia (Promote the improvement of the National Data System)**

- Việc triển khai giám sát theo hệ thống chỉ tiêu đòi hỏi dữ liệu đầy đủ, chính xác, cập nhật và liên thông giữa các cấp, các ngành. Quá trình này sẽ làm nổi bật các khoảng trống, bất cập trong hệ thống dữ liệu hiện hành, từ đó tạo động lực cải thiện công tác thống kê, quản lý, kết nối và chia sẻ dữ liệu trên phạm vi quốc gia.

*The implementation of monitoring based on a system of indicators requires data that are comprehensive, accurate, up to date, and interoperable across levels and sectors. This process will highlight gaps and shortcomings in the existing data system, thereby creating momentum to improve statistical work, data governance, connectivity, and data sharing at the national level.*

- Hệ thống dữ liệu được nâng cấp không chỉ phục vụ riêng cho Nghị quyết số 57-NQ/TW mà còn góp phần nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước và phát triển kinh tế - xã hội nói chung.

*The upgraded data system will not only serve the implementation of Resolution No. 57-NQ/TW but will also contribute to enhancing the effectiveness of state management and overall socio-economic development.*

**6. Rà soát, cập nhật hệ thống chỉ tiêu (Review and update the indicator system)**

- Hệ thống chỉ tiêu cần được rà soát, cập nhật định kỳ trong quá trình triển khai thực hiện nhằm bảo đảm tính phù hợp, khả thi và sát với yêu cầu thực tiễn.

*The indicator system should be reviewed and updated periodically during the implementation process to ensure relevance, feasibility, and close alignment with practical requirements.*

- Việc xác định nguồn dữ liệu, phương pháp tính toán và tần suất báo cáo của từng chỉ số phải được quy định rõ ràng, đồng bộ và thống nhất, bảo đảm cho hệ thống vận hành ổn định và hiệu quả.

*The identification of data sources, calculation methodologies, and reporting frequencies for each indicator must be clearly defined, harmonized, and standardized, ensuring stable and effective operation of the system.*